



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

BẢN TIN NHÀ ĐẦU TƯ

Tháng 10 năm 2023



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Biến cơ hội thành giá trị

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu tối đa được phép (%)	Số lượng CK tối đa được phép nắm giữ	Số lượng CK đang nắm giữ			Tỷ lệ đang nắm giữ (%)			Số lượng được phép nắm giữ thêm (+) vượt room	Ghi chú
			30/6/2023	30/9/2023	Thay đổi	30/6/2023	30/9/2023	Thay đổi		
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	100	813.156.748	749.330.702	721.714.138	(27.616.564)	92,15	88,75	-3,40	91.442.620	Số lượng và tỷ lệ nắm giữ thay đổi theo phiên GD
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	49	398.446.806	63.826.046	91.442.610	27.616.564	7,85	11,25	3,40	334.620.760	
Tổng			813.156.748	813.156.748		100,00	100,00			

Phân loại	Tên Cổ đông	Số lượng CK đang nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Cổ đông lớn	Công ty CP Tập đoàn T&T	45.505.734	5,596	Không thay đổi từ ngày 25/7/2022
Cổ đông khác		767.651.014	94,404	
Cổ đông nhà nước, cổ phiếu quỹ		0	0	

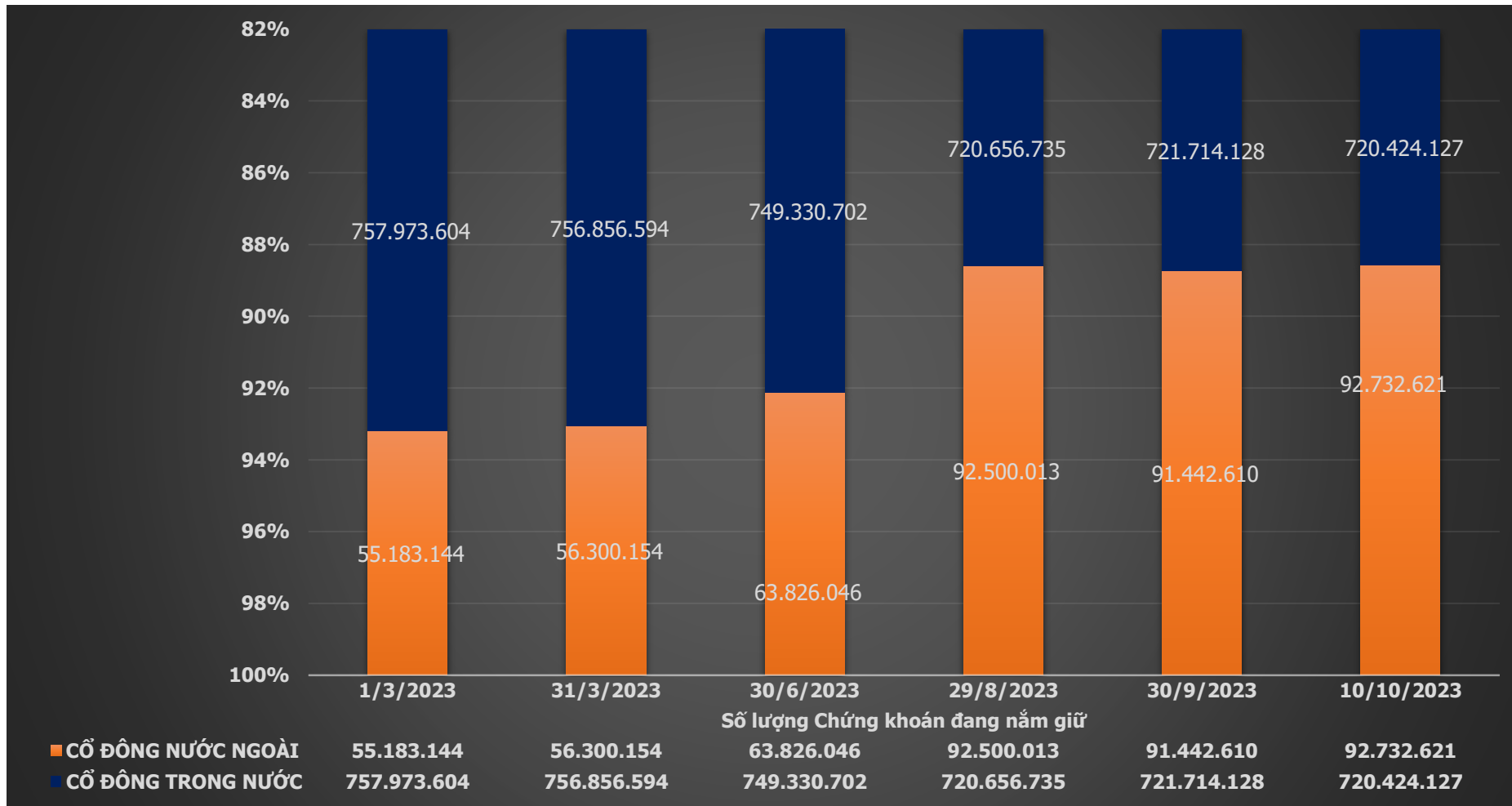
Vốn điều lệ: 8.131.567.480,000 đồng
KL CP đang niêm yết: 813.156.748 cp
KL CP đang lưu hành: 813.156.748 cp

Nguồn: VSD https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/421/Rfar3_29092023%20viet.pdf



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN

Biến cơ hội thành giá trị

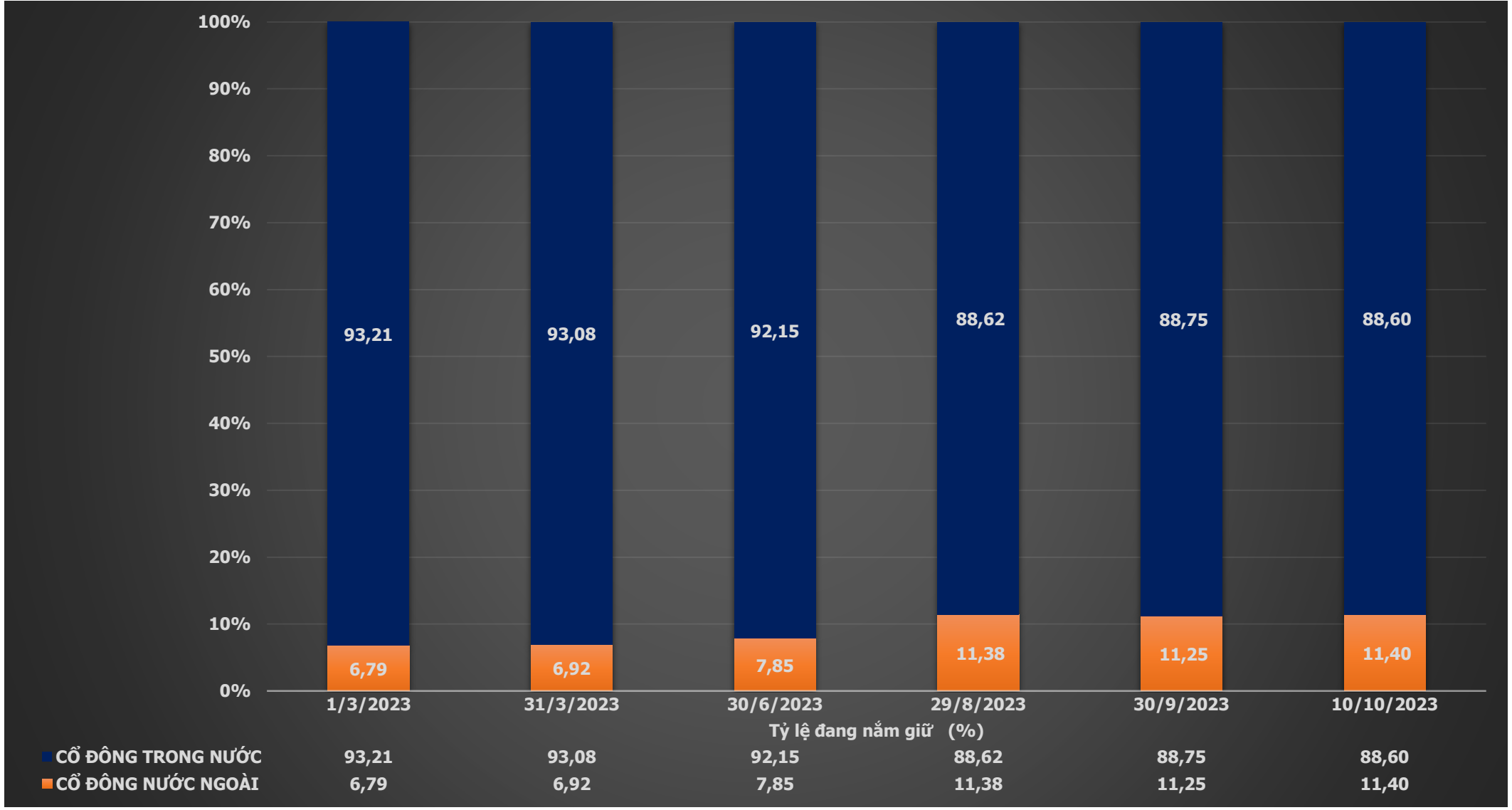


Nguồn: VSD https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/161/8II1V_11092023%20viet.pdf



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

Biến cơ hội thành giá trị





Biến cơ hội thành giá trị

CỔ PHIẾU SHS

THÁNG 9/2023

Nguồn: HNX <https://hnx.vn/vi-vn/trung-tam-truyen-thong/chi-tiet-tin-bc-60017444-0.htm/>

SHS là cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất HNX và tăng liên tục tháng thứ bảy liên tiếp, tỷ trọng 20,9% KLGĐ toàn thị trường, ~ hơn 474 triệu cp (tháng trước: 17,88%, 536 triệu CP)

- Lũy kế 9 tháng, tại HNX, khối ngoại duy trì mua ròng mạnh, SHS là CP nổi bật được mua với tổng giá trị 600,65 tỷ đồng (sau IDC), duy trì tỉ lệ sở hữu SHS gần 12% từ nhiều tháng nay;
- Tháng 9: SHS là CP Khối ngoại bán ra nhiều nhất tại HNX với hơn 5,9 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng chiếm tỷ trọng 12,3% KLGĐ của NĐT NN, vẫn đảm bảo TLSH hơn 11,4%

SHS: NĐTNN: Chênh lệch KL mua bán

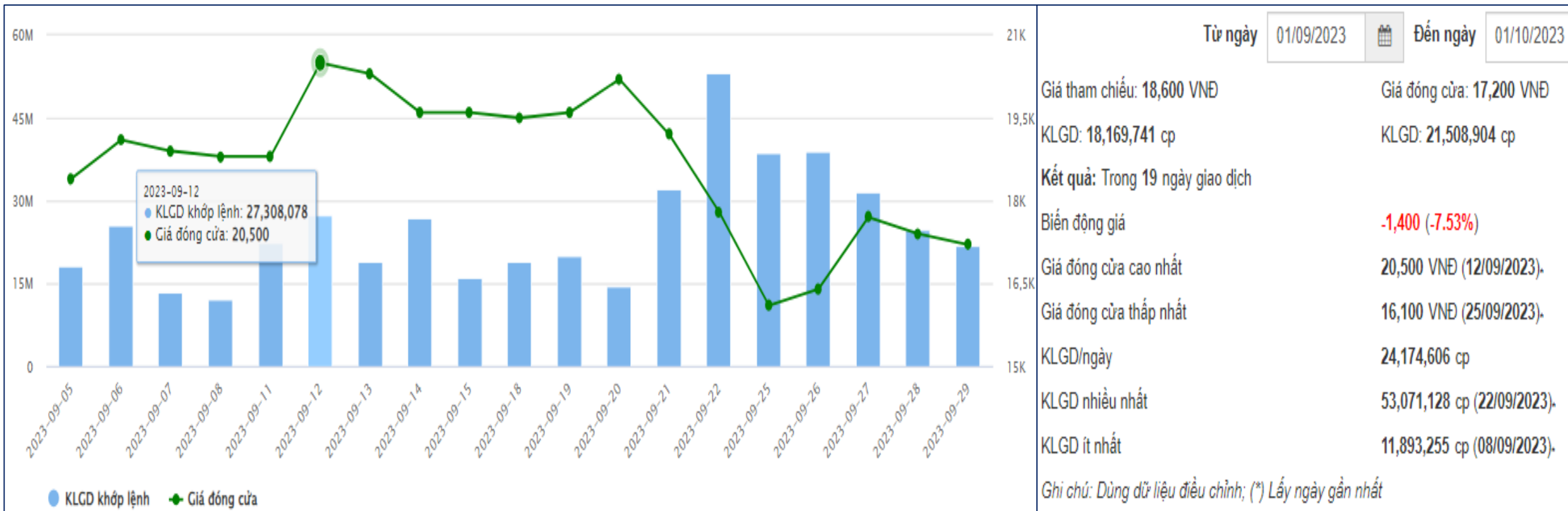




Biến cơ hội thành giá trị

CỔ PHIẾU SHS

Tháng 9/2023



Từ ngày 01/09/2023 Đến ngày 01/10/2023

Giá tham chiếu: 18,600 VNĐ

Giá đóng cửa: 17,200 VNĐ

KLGD: 18,169,741 cp

KLGD: 21,508,904 cp

Kết quả: Trong 19 ngày giao dịch

Biến động giá

-1,400 (-7.53%)

Giá đóng cửa cao nhất

20,500 VNĐ (12/09/2023)

Giá đóng cửa thấp nhất

16,100 VNĐ (25/09/2023)

KLGD/ngày

24,174,606 cp

KLGD nhiều nhất

53,071,128 cp (22/09/2023)

KLGD ít nhất

11,893,255 cp (08/09/2023)

Ghi chú: Dùng dữ liệu điều chỉnh; (*) Lấy ngày gần nhất

SHS - Giá đóng cửa

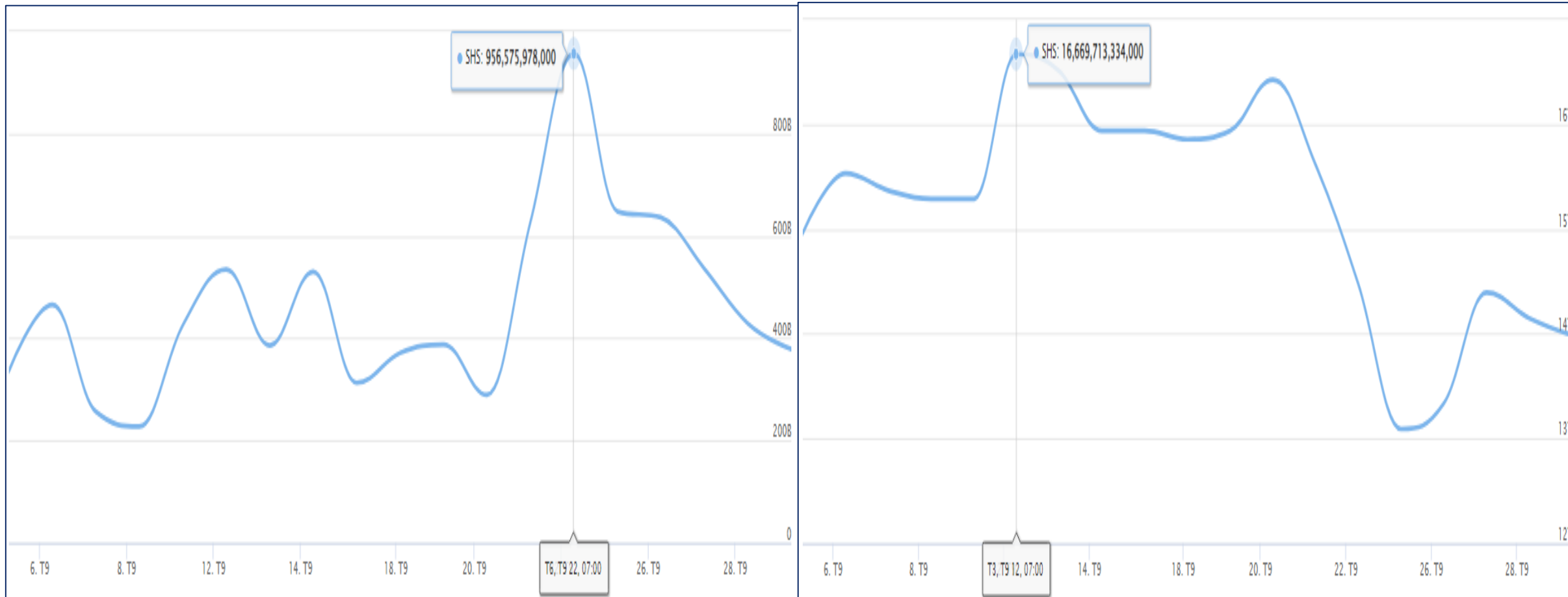
SHS – Biến động giá



Biến cơ hội thành giá trị

CỔ PHIẾU SHS

THÁNG 9/2023



SHS Giá trị khớp lệnh

SHS Vốn hóa



Biến cơ hội thành giá trị

BIẾN ĐỘNG CỦA CỔ PHIẾU SHS THÁNG 9/2023





BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ VỀ CỔ PHIẾU SHS

Nguồn: CTCK Ngân hàng Vietcombank (VCBS) ngày 30/8/2023

Biến cơ hội thành giá trị

https://www.vCBS.com.vn/api/v1/ttpt-reports/download-with-token?download_token=62170ff6-cb4b-4663-933d-b7fb6f1c2070&locale=vi



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

Thứ tư, ngày 30 tháng 8 năm 2023

Điểm nhấn đầu tư theo kỹ thuật.

- SHS duy trì diễn biến giá tốt và có 2 phiên tăng điểm vượt thuyết phục khu vực kháng cự quanh 17.3
- Hai chỉ báo MACD và RSI tại khung đồ thị ngày vẫn đang hướng lên tích cực và chưa cho tín hiệu tạo đỉnh cho thấy SHS vẫn sẽ tiếp tục duy trì nhịp tăng điểm
- Dải Bolinger band đang có xu hướng mở rộng lên phía trên cũng cố thêm cho tín hiệu tăng giá.





Biến cơ hội thành giá trị

BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ VỀ CỔ PHIẾU SHS

Nguồn: CTCK Ngân hàng Vietcombank (VCBS) ngày 30/8/2023

https://www.vCBS.com.vn/api/v1/tpt-reports/download-with-token?download_token=62170ff6-cb4b-4663-933d-b7fb6f1c2070&locale=vi

Chỉ báo	Giá trị	Trạng thái
RSI	71.21	Buy
MACD	0.71	Buy
MFI	74.07	Buy
SMA 20	16.37	Buy
SMA 50	15.14	Buy
SMA 200	10.95	Buy
EMA 20	16.46	Buy
EMA 50	15.22	Buy
Tóm tắt tín hiệu	Buy	

Thông tin giao dịch	
Giá hiện tại (x1000 VND)	18,500
Vốn hóa (tỷ VND)	15,043
EPS (x1000 VND)	1,467
P/E	36.48
P/B	1.53
Ngành	Chứng khoán
KLGD bình quân 20 ngày (tr cp/phiên)	23.069
SL CP lưu hành (tr cổ phiếu)	813,156,748

Luận điểm đầu tư theo kỹ thuật

- ✓ SHS ghi nhận 2 phiên tăng điểm vào ngày 29-30/08 và vượt thuyết phục khu vực kháng cự quanh 17.5
- ✓ Diễn biến giá được duy trì chặt chẽ và vẫn đang nằm trên dải mây xanh ichimoku.
- ✓ Đường trung bình động MA20 và 2 đường chỉ báo tín hiệu sức mạnh ADX và DI+ vẫn đang hướng lên tích cực cho thấy lực cầu vẫn đang được duy trì tốt.
- ✓ Dải Bollingerband vẫn đang cho tín hiệu mở rộng lên phía trên mở ra góc tăng giá cho SHS trong ngắn hạn
- ✓ Tại khung đồ thị giờ, tuy chỉ báo RSI đã ở vùng quá mua, xấp xỉ 80 cho thấy SHS có thể sẽ rung lắc trong phiên nhưng vẫn sẽ duy trì xu hướng tăng điểm.

Chiến lược đầu tư cổ phiếu

- ✓ Các nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng những nhịp rung lắc trong các phiên tới để giải ngân đối với cổ phiếu SHS với giá mục tiêu 21.000
- ✓ Trên khung đồ thị ngày, 2 chỉ báo MACD và RSI vẫn đang hướng lên tích cực và chưa có dấu hiệu tạo đỉnh cho thấy SHS có thể sẽ rung lắc trong phiên nhưng vẫn sẽ tiếp tục duy trì nhịp tăng điểm tích cực và hướng lên khu vực 20 - 21



Biến cơ hội thành giá trị

SHS CÔNG BỐ THÔNG TIN

THÁNG 9/2023

Thời gian	Nội dung	Đường dẫn
08/09/2023	SHS_Người nội bộ đăng ký bán cổ phiếu	https://www.shs.com.vn/News/202398/1011954/shs_nguoi-noi-bo-dang-ky-ban-co-phieu.aspx
21/09/2023	Người nội bộ đã hoàn thành việc bán CP SHS	https://www.shs.com.vn/News/2023921/1011974/nguoi-noi-bo-da-hoan-thanh-viec-ban-cp-shs.aspx
28/09/2023	Cbtt Quyết định của UBCKNN về việc thu hồi Quyết định chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty tại Đồng Nai	https://www.shs.com.vn/News/2023928/1011977/cbtt-quyet-dinh-cua-ubcknn-ve-viec-thu-hoi-quyet-dinh-chap-thuan-thanh-lap-van-phong-dai-dien-cong-ty-chung-khoan.aspx



TÓM TẮT TTCK VÀ KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

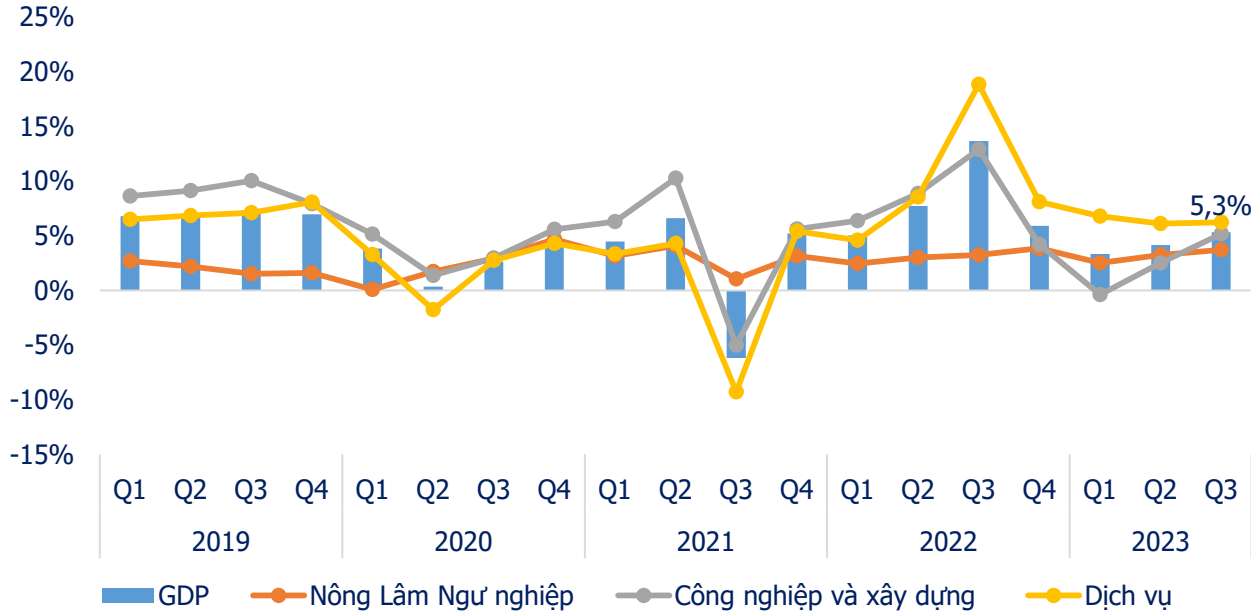
- **VN-Index giảm mạnh -5,71% so với tháng 08/2023, kết thúc xu hướng tăng liên tiếp kéo dài trong 04 tháng từ tháng 05/2023,** đồng thời duy trì tăng điểm 03 quý liên tiếp với mức tăng 3,03% so với Q2. Áp lực giảm điểm đến từ một số cổ phiếu vốn hóa lớn như VIC (-26,1%), VHM (-16,7%) và nhóm các cổ phiếu vốn hóa trung bình thuộc các ngành bất động sản, dịch vụ tài chính chứng khoán.
- **Thanh khoản tăng tháng thứ 6 liên tiếp.** Giá trị giao dịch trung bình 3 sàn tháng 9/2023 đạt 26.782 tỷ đồng/phiên (+4,34% MoM và tăng mạnh +71,33% YoY. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023 tổng giá trị giao dịch giảm 21,9 so với cùng kỳ năm 2022.
- **Nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng tháng thứ 2 liên tiếp trong tháng 9 trong khi khối ngoại và nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng.** Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 172.970 tài khoản trong tháng 9, nâng tổng số tài khoản lên 7,82 triệu tài khoản.
- **Nhà đầu tư nước ngoài tăng bán ròng trong tháng 9 với 3.982 tỷ đồng trong bối cảnh các quỹ ETF tại Việt Nam bị hút ròng 78 triệu USD,** trong đó quỹ FUBON bị rút ròng tháng thứ 4 liên tiếp với 25,6 triệu USD. Tính chung Q3/2023, khối ngoại bán ròng 8.859 tỷ tại Việt Nam, tăng 76,8% so với Q2 và 9 tháng đầu năm 2023 bán ròng 6.909 tỷ đồng.
- **Kinh tế có dấu hiệu khởi sắc,** GDP Q3 tăng 5,33%, cao hơn 2 quý trước đó nhờ lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, các lĩnh vực khác như tiêu dùng nội địa, thu hút FDI, XNK đều cho thấy sự phục hồi. Tuy nhiên áp lực tỷ giá tăng, tăng trưởng tín dụng còn thấp và PMI giảm trở lại dưới mức 50 điểm trong tháng 9 cho thấy vĩ mô còn nhiều thách thức, GDP cả năm 2023 dự báo đạt 5% - 5,5%, tương đương tăng trưởng GDP Q4 đạt 6,9% - 8,7%.
- **Xu hướng thị trường trong tháng 10 dự báo sẽ có nhịp hồi phục kỹ thuật trước khi vận động với biên độ hẹp dần để tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại,** VN-Index nhiều khả năng dao động trong vùng đáy 1.100 điểm – 1.120 điểm và đỉnh tại 1.180 điểm – 1.200 điểm.



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

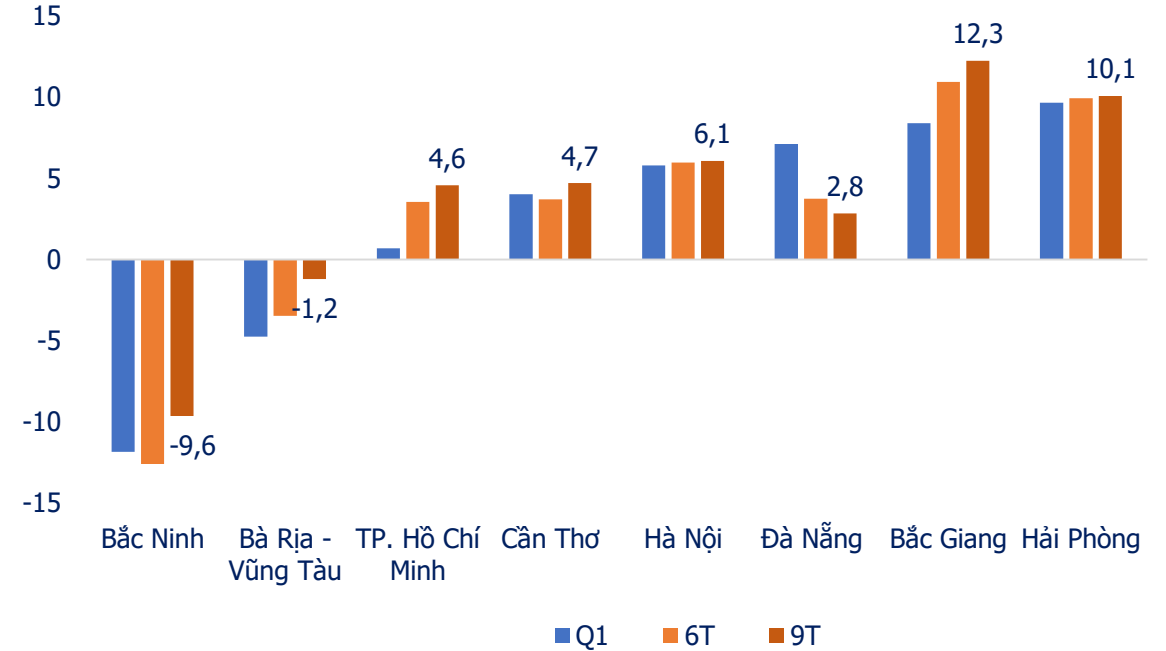
Biến cơ hội thành giá trị

Tăng trưởng GDP (YoY)



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tăng trưởng GRDP 9T.2023 của một số tỉnh thành (%)



Tăng trưởng GDP Q3.2023 đạt 5,33%, có cải thiện trong 2 quý liên tiếp dù vẫn cho thấy tín hiệu khó khăn. Khu vực công nghiệp và xây dựng có sự cải thiện tương đối rõ rệt với mức tăng 5,19%, được hỗ trợ từ việc giải ngân vốn đầu tư công tích cực. GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ, xét trong giai đoạn 2011 – 2023, mức tăng trưởng này chỉ cao hơn mức tăng trong năm 2020-2021 khi nền kinh tế chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.

Xét theo địa phương, tăng trưởng GRDP tại TP. Hồ Chí Minh - đầu tàu kinh tế của cả nước - có cải thiện đáng kể trong Q3. Tăng trưởng tại Bắc Giang vẫn khá tích cực nhờ dòng vốn FDI, Hải Phòng duy trì mức tăng khoảng 10%, cao hơn trung bình toàn nền kinh tế. Sự phục hồi của khu vực công nghiệp và xây dựng giúp đà giảm GRDP tại Bắc Ninh và Bà Rịa Vũng Tàu có cải thiện theo từng quý.

Với mức tăng trưởng 4,24% trong 9 tháng đầu năm, mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6% – 6,5% trong năm 2023 là khó khả thi. Tuy nhiên tăng trưởng Q4 dự kiến tiếp tục xu hướng phục hồi khi hoạt động xuất khẩu 9 tháng đã tăng so với cùng kỳ, số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ 2 liên tiếp và giải ngân vốn đầu tư công thường tăng mạnh trong quý cuối năm. Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2023 đạt 5% - 5,5%, tương đương tăng trưởng GDP Q4 đạt 6,9% - 8,7%.



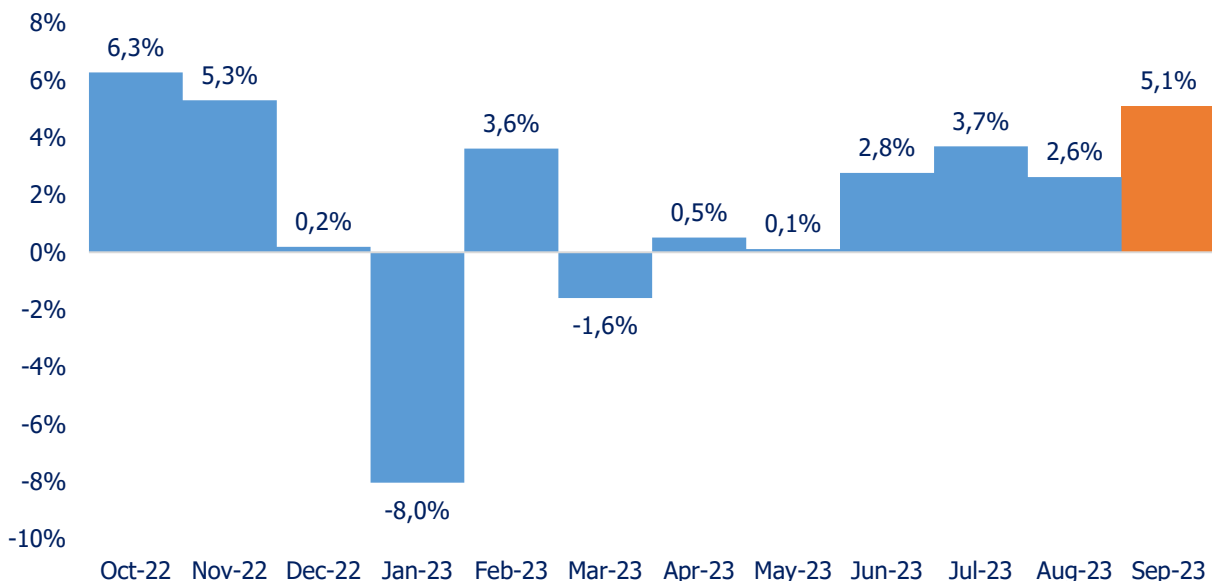
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

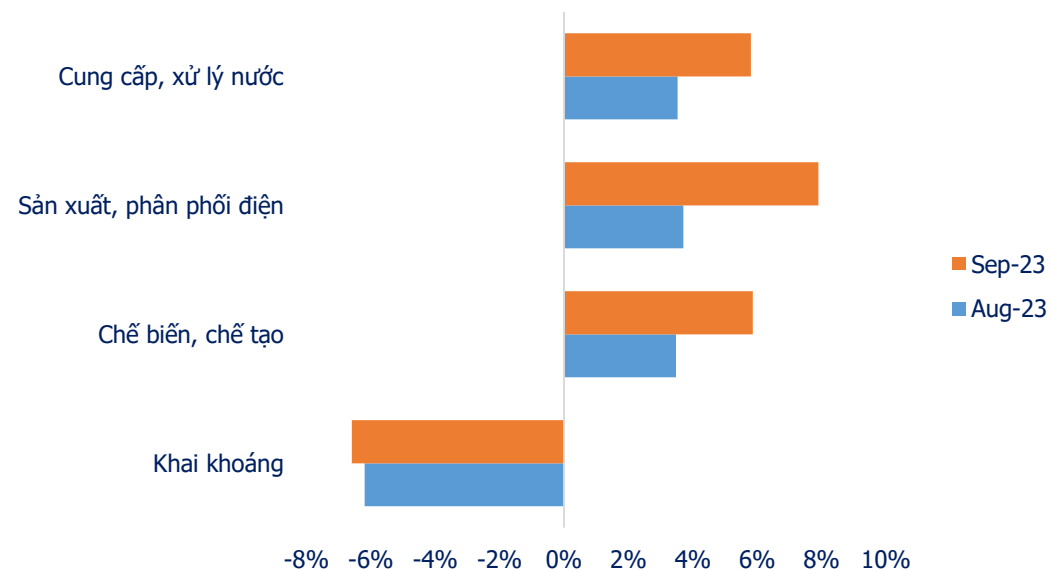
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chưa phục hồi hoàn toàn so với cùng kỳ. IIP tháng 09 tăng 5,10% so với cùng kỳ 2022 (+0,14% so với tháng 8/23) nhờ các ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt; và Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Ngành Chế biến chế tạo duy trì được đà tăng so với tháng trước (ở mức khiêm tốn 1,36%), tuy nhiên so với cùng kỳ tăng 5,87% chủ yếu tập trung tại các lĩnh vực chế biến thực phẩm (+12,5%), sản xuất hóa chất (+13,9%), sản xuất nhựa (+10,2%), sản xuất sắt thép (+12,5%). Khối sản xuất phụ thuộc vào xuất khẩu đã có dấu hiệu cải thiện đáng kể so với tháng trước như may mặc (+13,9% so với +1,7% trong tháng 8), da giày (+4,7% so với -1,4% trong tháng 8), sản phẩm điện tử, máy vi tính, và các thiết bị quang học (+7,5% so với -0,3% trong tháng 8).
- Lĩnh vực khai khoáng ghi nhận tháng thứ 5 liên tiếp suy giảm so với tháng trước (tháng 9 giảm 5,80% so với tháng 8) và cũng là tháng thứ 2 liên tiếp suy giảm so với cùng kỳ (mức giảm 6,59%).

Tăng trưởng IIP YoY theo tháng



Tăng trưởng các lĩnh vực (YoY)



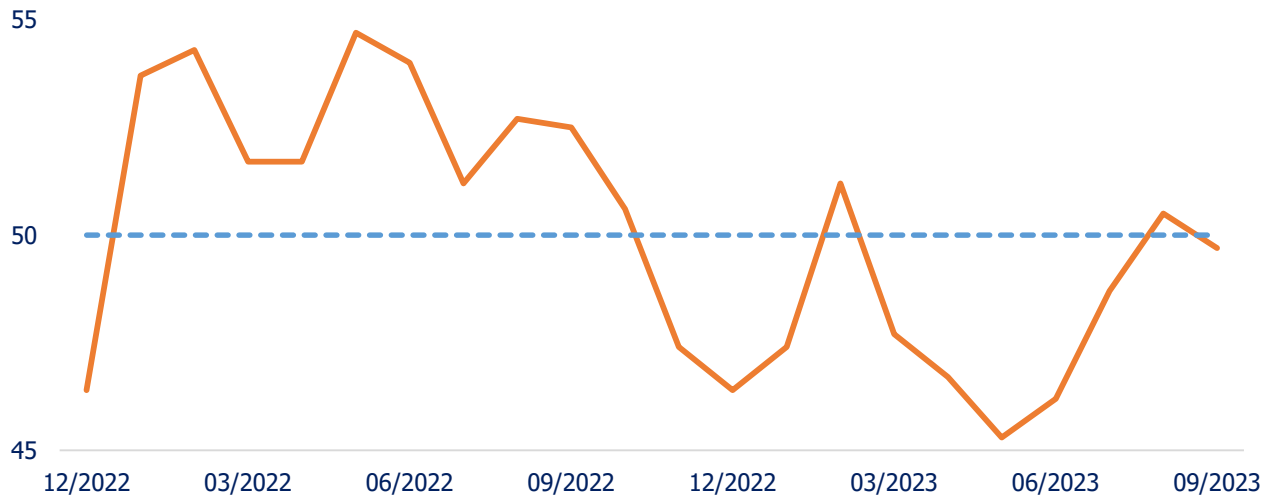


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

Sản lượng giảm dù số lượng đơn đặt hàng mới tăng. Theo S&P Global, PMI của Việt Nam giảm nhẹ trong tháng 9 và xuống dưới mốc 50 điểm, ở mức 49,7 điểm chỉ ngay sau được cải thiện trong tháng 8, cho thấy các điều kiện kinh doanh của các nhà sản xuất Việt Nam suy giảm.

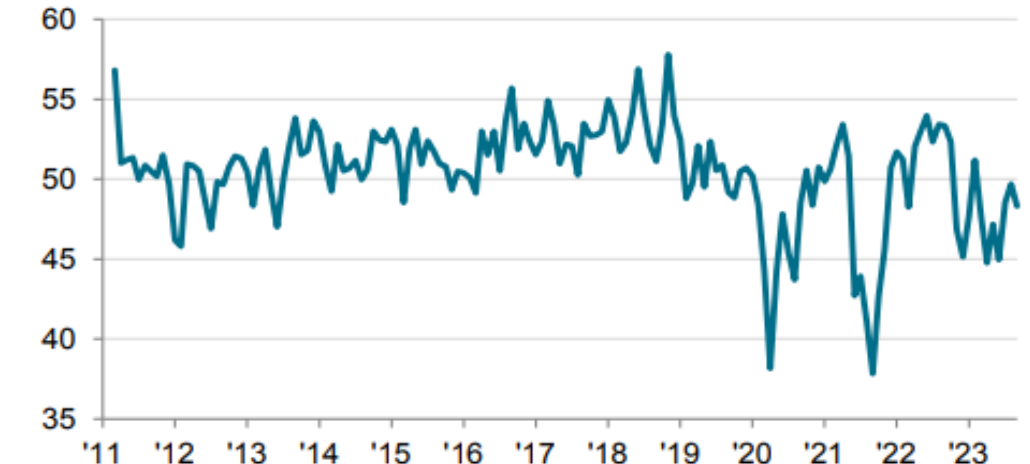
- Điểm tích cực nhất là số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ hai liên tiếp, và tốc độ tăng tương đương tháng trước. Mặc dù vậy, số lượng đơn đặt hàng mới nhận được vẫn còn ở mức khiêm tốn khiến cho sản lượng giảm. Tính đến nay, sản lượng đã giảm 6/7 tháng vừa qua. Tình trạng giảm sản lượng tập trung ở các nhà sản xuất hàng hóa trung gian, trong khi các nhà sản xuất hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa đầu tư cơ bản ghi nhận tăng sản lượng.
- Việc làm đã giảm tháng thứ bảy liên tiếp do các nhà sản xuất vẫn duy trì đủ năng lực để giải quyết khối lượng công việc hiện có.
- Hoạt động mua hàng đã tăng tháng thứ hai liên tiếp để đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng và kế hoạch tăng sản lượng trong những tháng tới. Tồn kho cả hàng mua và hàng thành phẩm đều giảm vào cuối quý 3. Tồn kho hàng thành phẩm đã được sử dụng để đáp ứng các đơn đặt hàng xuất khẩu mới.
- Tốc độ tăng chi phí đầu vào đã nhanh hơn và đạt mức cao của bảy tháng. Giá nhiên liệu tăng được cho là đã làm tăng chi phí vận tải, trong khi giá dầu và giá nguyên vật liệu nhập khẩu tăng cũng được ghi nhận.

Chỉ số PMI



PMI Chỉ số việc làm

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước





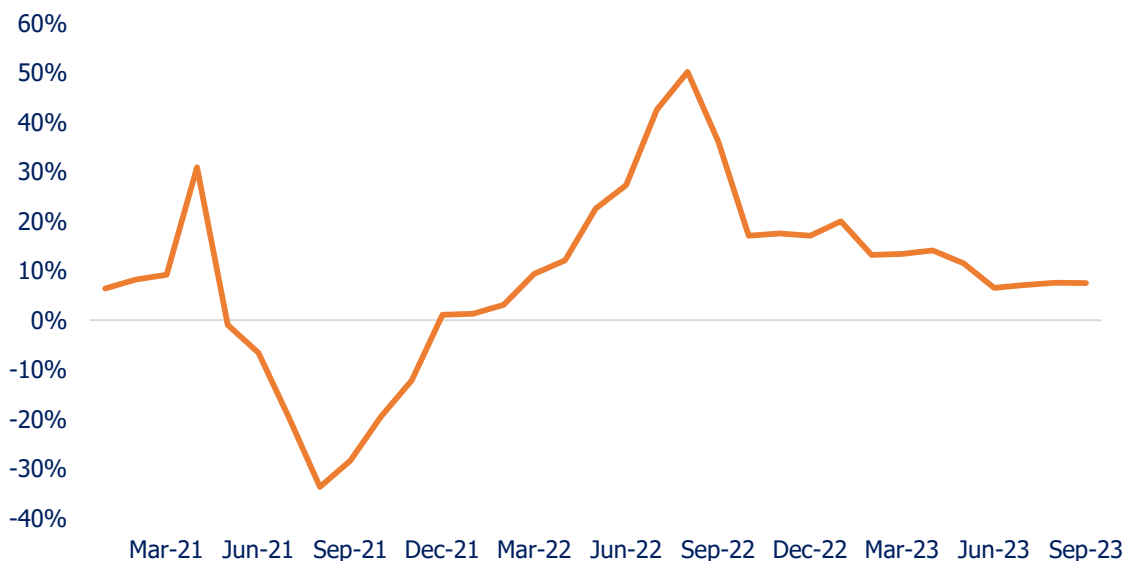
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

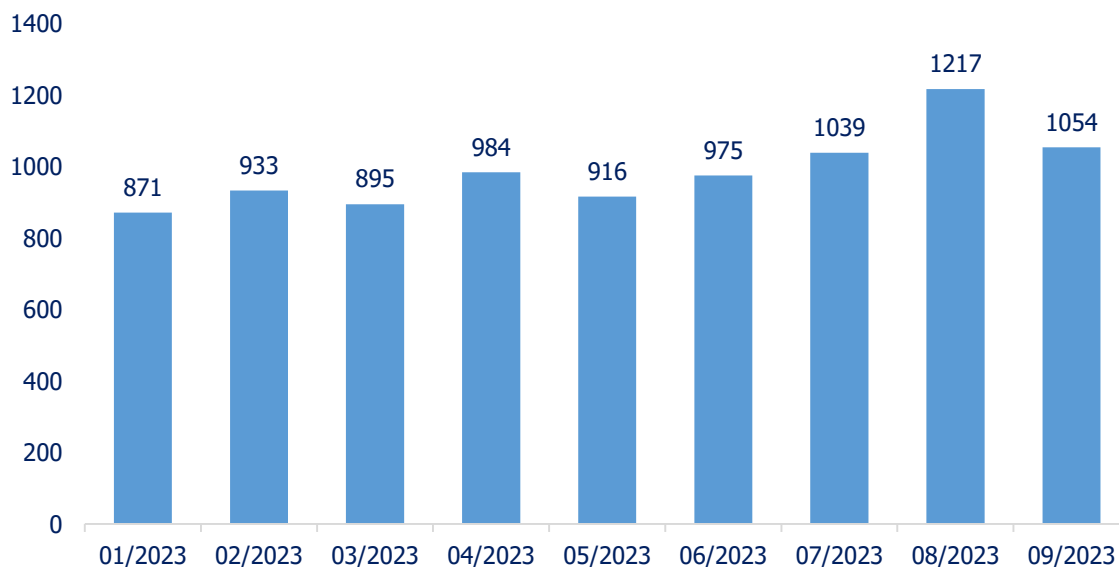
Tổng mức bán lẻ hàng hóa (BLHH) và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (DVTĐ) tiếp tục tăng dù du lịch đã hạ nhiệt. Theo đó, tổng mức BLHH và doanh thu DVTĐ tháng 9/2023 ước đạt 524,6 nghìn tỷ đồng (+2,4% MoM và +7,5% YoY) do có kỳ nghỉ lễ 2/9 và học sinh bước vào năm học mới nên hoạt động thương mại tháng 9 sôi động hơn tháng trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng mức BLHH và doanh thu DVTĐ đạt 4.567,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 tăng 20,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,3% (cùng kỳ năm 2022 tăng 16,6%).

Du lịch Việt Nam vượt chỉ tiêu đón 8 triệu lượt khách quốc tế sau 9 tháng. Trong tháng 9, Việt Nam đánh dấu tháng thứ 3 đón hơn 1 triệu lượt khách quốc tế, nâng tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt khoảng 8,9 triệu lượt 9 tháng đầu năm, tăng gấp 4,7 lần so với cùng kỳ năm 2022. Lượng khách quốc tế trong tháng 9 giảm 13,4% so với tháng trước chủ yếu do sự sụt giảm lượng khách du lịch từ Trung Quốc (-18,7%) và Hàn Quốc (-19,5%) bởi kỳ nghỉ hè đã kết thúc.

Tăng trưởng bán lẻ (YoY)



Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)





KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

CPI tiếp tục chịu nhiều áp lực. CPI tháng 9 tăng 1,08% so với tháng trước và tăng 3,66% so với cùng kỳ. Bình quân 9T/2023, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ 2022; lạm phát cơ bản tăng 4,49%. Áp lực chính đến từ nhóm (1) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống; (2) Nhà ở và VLXD; (3) Giao thông; và (4) Giáo dục.

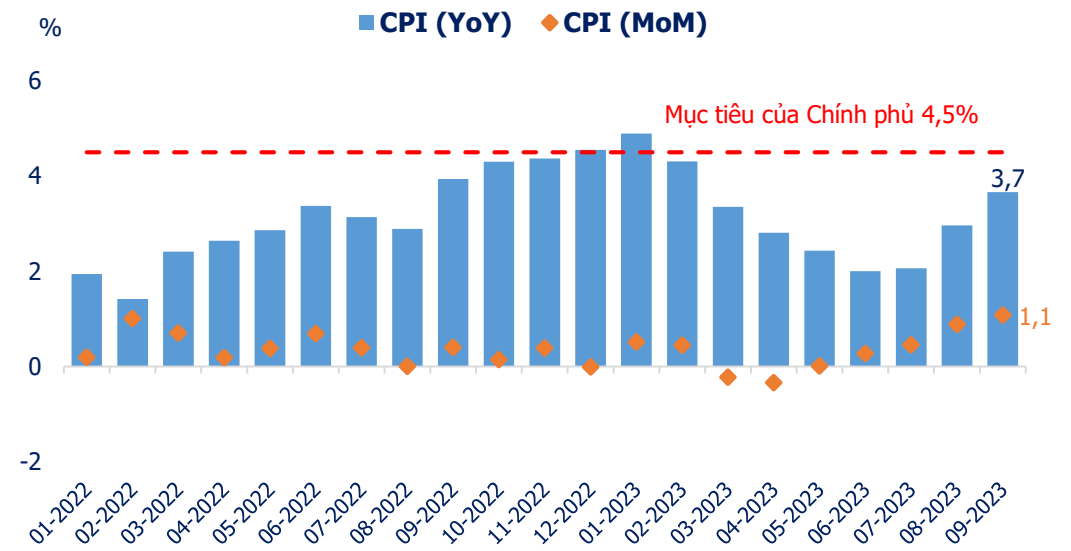
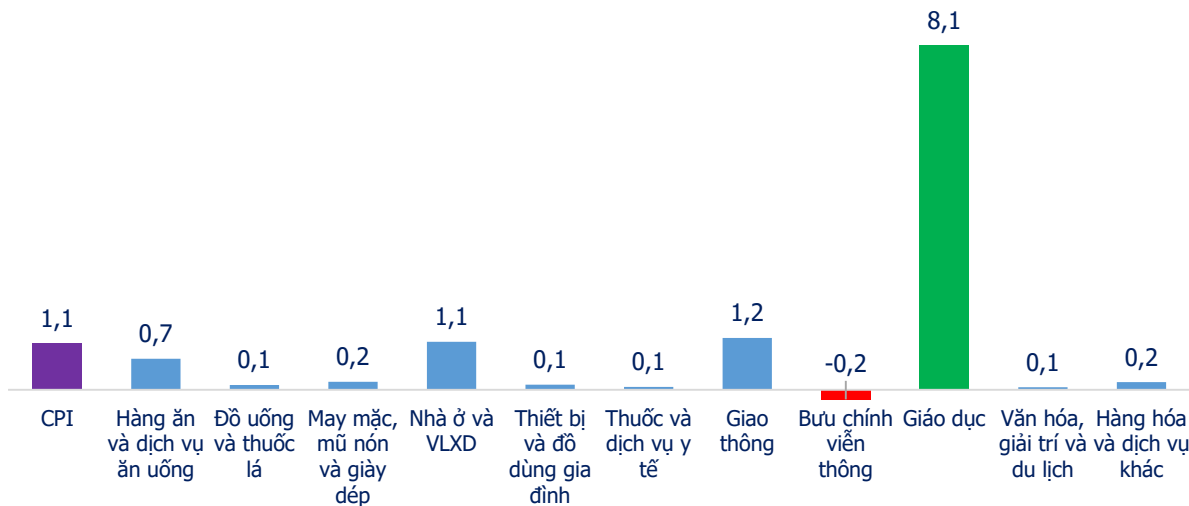
(1) Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,73% kéo CPI chung tăng 0,24% trong đó, giá lương thực tăng 3,19% so với tháng trước do giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường tiêu thụ lớn như Philippines, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia và châu Phi tăng trong khi Ấn Độ, Nga, UAE thực hiện cấm xuất khẩu gạo để bình ổn giá trong nước.

(2) Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,12% đẩy CPI chung tăng 0,21%. Cụ thể, gas tăng mạnh 8,37% do giá gas thế giới tăng, giá nhà ở thuê tăng 0,61%; giá nước sinh hoạt tăng 2,83%, giá điện sinh hoạt tăng 0,34% do nhu cầu tiêu thụ tăng.

(3) Nhóm giao thông tăng 1,21% do ảnh hưởng của 3 đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước làm cho giá xăng tăng 3,54%, giá dầu diezen tăng 5,96%.

(4) Nhóm giáo dục tăng mạnh 8,06% do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 9 so với tháng trước (%)



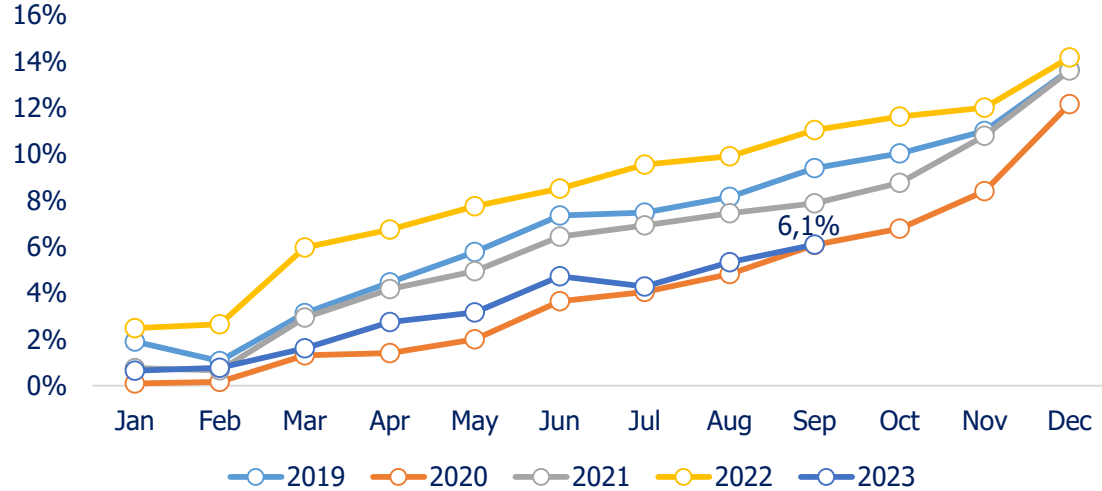
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

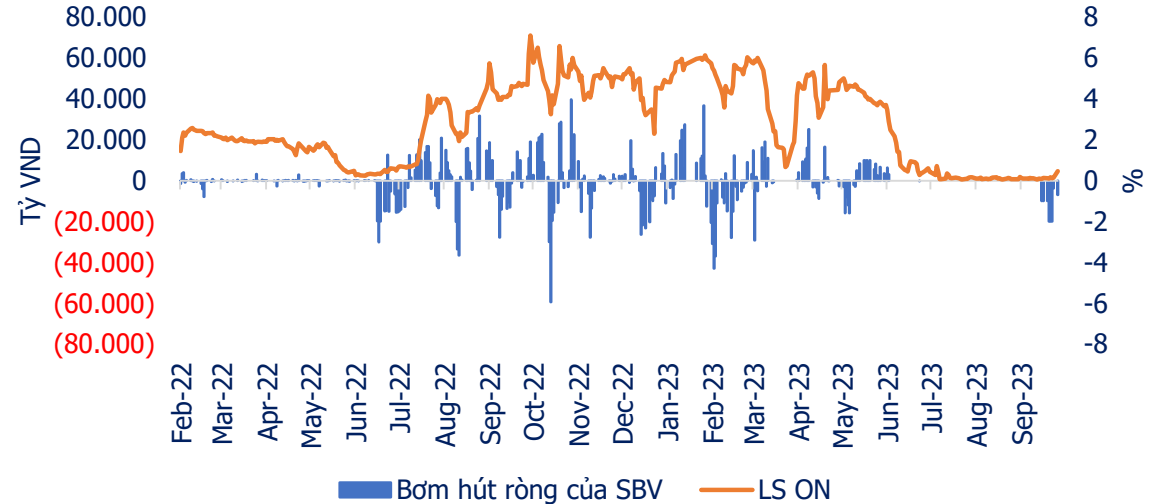
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Lãi suất LNH kỳ hạn ON và bơm hút ròng của SBV



Theo NHNN, tính đến 30/9/2023, huy động toàn hệ thống Ngân hàng tăng 5,9% (12,9 triệu tỷ đồng), tăng trưởng tín dụng 6,1% – 6,2% (≈12,63 triệu tỷ đồng), chênh lệch giữa huy động và tín dụng dương 270 nghìn tỷ đồng. Thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng vẫn dồi dào, lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm cuối tháng 9 ở mức 0,15% dù NHNN đã hút ròng 93.800 tỷ đồng qua phát hành tín phiếu sau gần 6 tháng tạm dừng, nhằm giảm áp lực tỷ giá. Chúng tôi cho rằng động thái này không thể hiện quan điểm đảo chiều chính sách tiền tệ của NHNN trong bối cảnh Chính phủ đang tập trung ưu tiên tăng trưởng.

Lãi suất huy động tiếp tục được điều chỉnh giảm trong tháng 9, Vietcombank đã giảm lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng xuống 5,3%/năm, thấp nhất toàn hệ thống. Hiện lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 6 tháng – 12 tháng của các NHTMCP trong khoảng 5,5% - 6%, lãi suất cho vay đối với khoản vay mới có TSDB khoảng 8%-9%. Sau 1 tháng khi Thông tư 10 có hiệu lực, nhiều Ngân hàng đã có chương trình ưu đãi cho vay để tắt toán khoản vay tại TCTD khác với lãi suất khoảng 8% – 10%, tuy nhiên hoạt động giải ngân còn hạn chế.

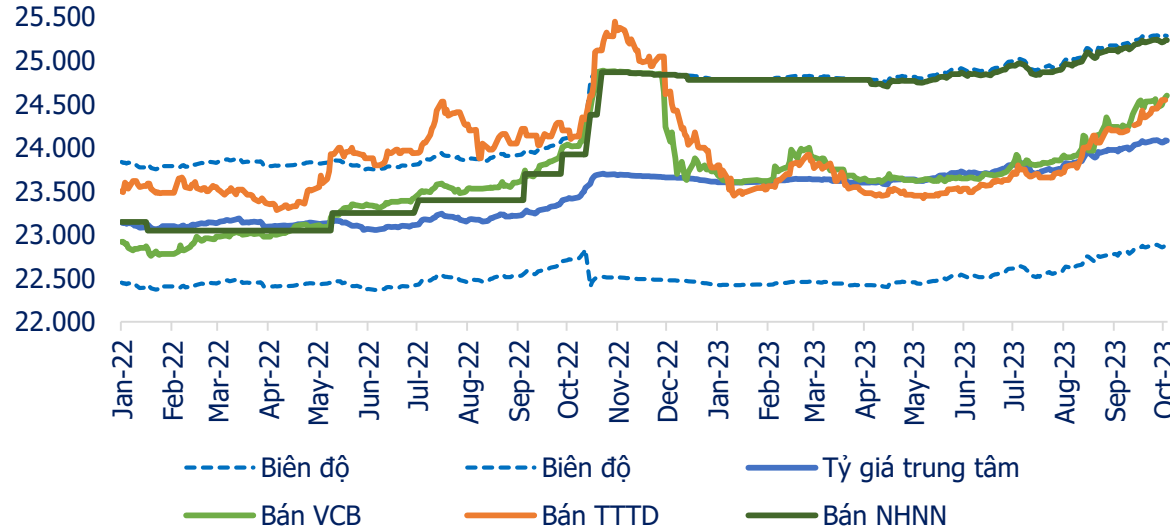
Tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp vẫn cho thấy sức hấp thụ yếu của nền kinh tế. Có thể kỳ vọng tốc độ tăng trưởng tín dụng tích cực hơn trong quý cuối năm khi một số chỉ tiêu về xuất khẩu, sản xuất đang bước đầu có cải thiện. Dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 10%-12%.



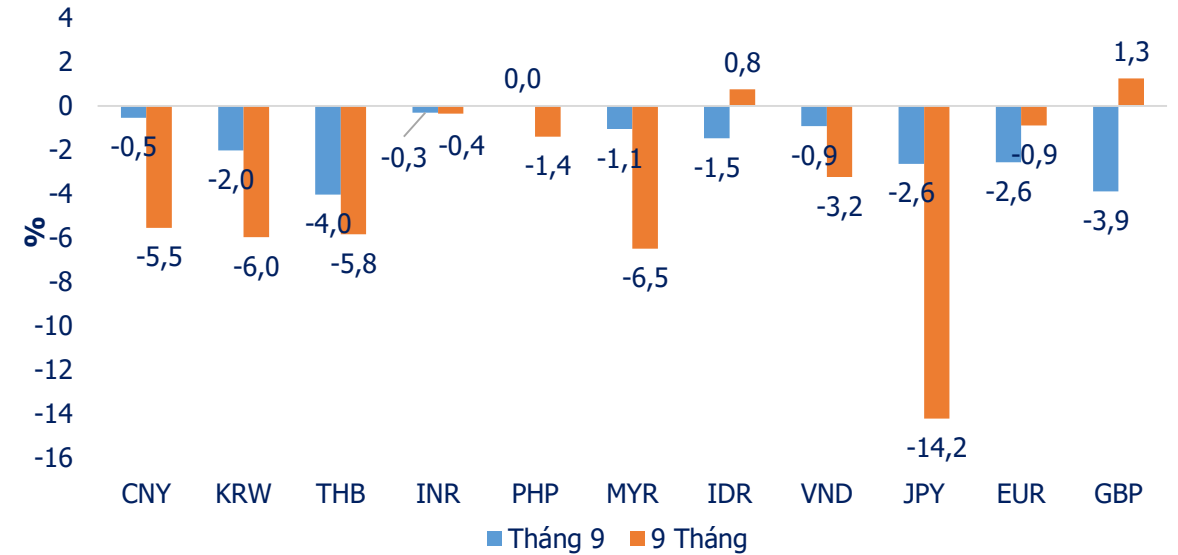
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Biến động giá một số đồng tiền so với USD năm 2023



Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Hầu hết các đồng tiền đều mất giá so với USD trong tháng 9 trước xu hướng tăng của chỉ số DXY Index. Đồng USD mạnh lên khi thị trường đánh giá FED sẽ duy trì mức lãi suất cao lâu hơn dự kiến. Đồng VND tiếp tục giảm 0,9% trong tháng 9, đưa mức giảm từ đầu năm lên 3,2%. Mức độ giảm giá của đồng VND so với USD ở mức trung bình thấp khi so sánh với các đồng tiền trong khu vực, tuy nhiên áp lực tỷ giá còn ở mức cao.

NHNN đã hút ròng 11 phiên liên tiếp từ 21/9/2023, tổng cộng 120.700 tỷ đồng tính đến ngày 04/10/2023 với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất trúng thầu khá thấp chỉ khoảng 1%. Động thái này giúp chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm trên thị trường liên ngân hàng giảm nhẹ xuống -4,8% vào thời điểm cuối tháng 9. Tuy nhiên, chênh lệch lãi suất âm vẫn tạo áp lực lên tỷ giá, đặc biệt khi cuối năm thường là giai đoạn cao điểm về nhu cầu ngoại tệ phục vụ xuất nhập khẩu.

Nguồn cung ngoại tệ tương đối tích cực từ thặng dư thương mại, giải ngân FDI và lượng ngoại tệ NHNN đã mua vào ước tính 6 tỷ USD là yếu tố hỗ trợ cho tỷ giá. Hiện NHNN vẫn chưa cần bán ra USD, nguồn USD được cân đối trong hệ thống Ngân hàng với giá giao dịch thấp hơn thị trường tự do, mức cao nhất thiết lập cuối tháng 9 là khoảng 24.400 VND. Chúng tôi cho rằng áp lực tỷ giá hiện phần lớn do yếu tố cung cầu mang tính thời điểm, tỷ giá USD/VND kỳ vọng sẽ giảm về cuối năm với mức mất giá trong năm thấp hơn 4%.



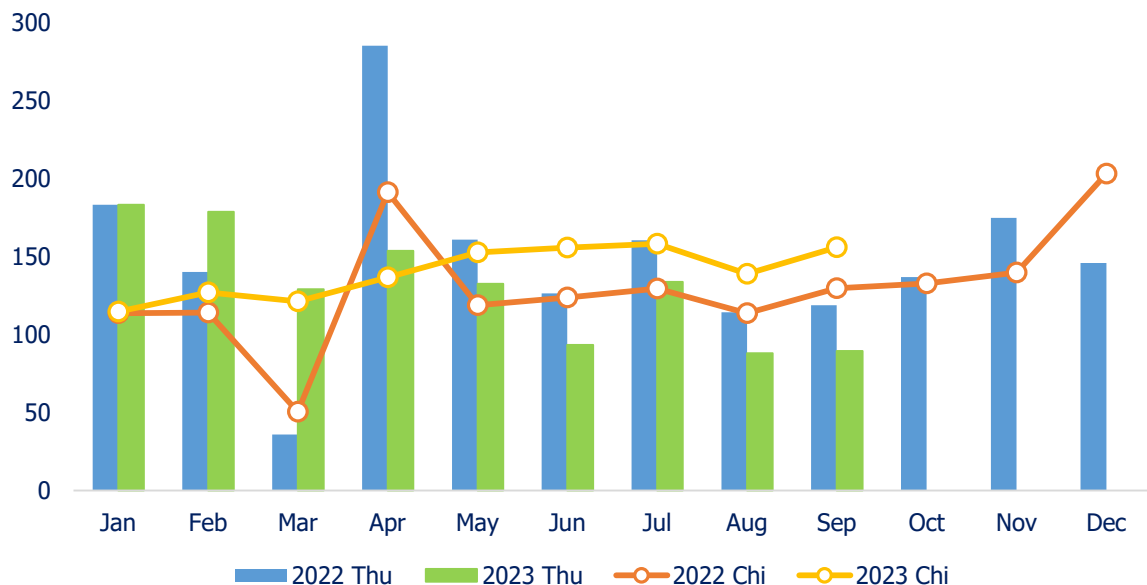
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

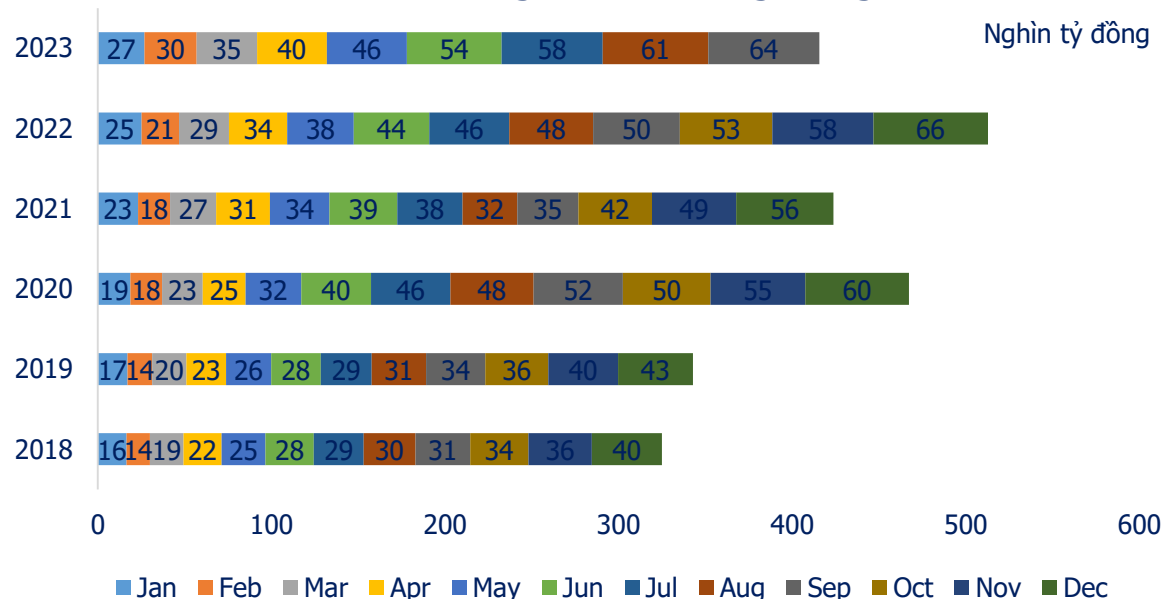
Thu NSNN tháng 9/2023 ước đạt 89,6 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 1,7% MoM, giảm mạnh 38% so với mức bình quân 8 tháng đầu năm. Tăng trưởng kinh tế yếu, hoạt động sản xuất - kinh doanh của một số ngành công nghiệp chủ lực suy giảm mạnh, thị trường bất động sản chậm phục hồi, thị trường xuất khẩu khó khăn, kết hợp với thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất mới ban hành đã làm giảm thu ngân sách. Lũy kế 9 tháng năm 2023, tổng thu NSNN ước đạt 1.223,8 nghìn tỷ đồng, bằng 75,5% dự toán năm, giảm 8,3% YoY, tổng chi NSNN ước đạt 1.239,4 nghìn tỷ đồng, bằng 59,7% dự toán năm, tăng 14,1% YoY. Thu NSNN giảm khiến Ngân sách có 5 tháng bội chi liên tiếp, 9 tháng đầu năm NSNN đã chuyển sang bội chi 15,6 nghìn tỷ đồng.

Giải ngân đầu tư công vẫn là điểm sáng với vốn thực hiện từ nguồn NSNN tháng 9/2023 ước đạt 63,9 nghìn tỷ đồng (+28% YoY), tính chung 9 tháng năm 2023 ước đạt 415,49 nghìn tỷ đồng (57,4% kế hoạch năm và +23,5% YoY). Chính phủ đặt mục tiêu hoàn thành tối thiểu 95% kế hoạch đầu tư công năm 2023 (713 nghìn tỷ đồng), tương đương 261 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công sẽ được giải ngân trong quý IV. Với các dự án giao thông lớn được đẩy mạnh triển khai, chúng tôi duy trì đánh giá tích cực về triển vọng giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian tới.

Thu chi NSNN hàng tháng giai đoạn 2022-2023



Đầu tư công từ NSNN hàng tháng





KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

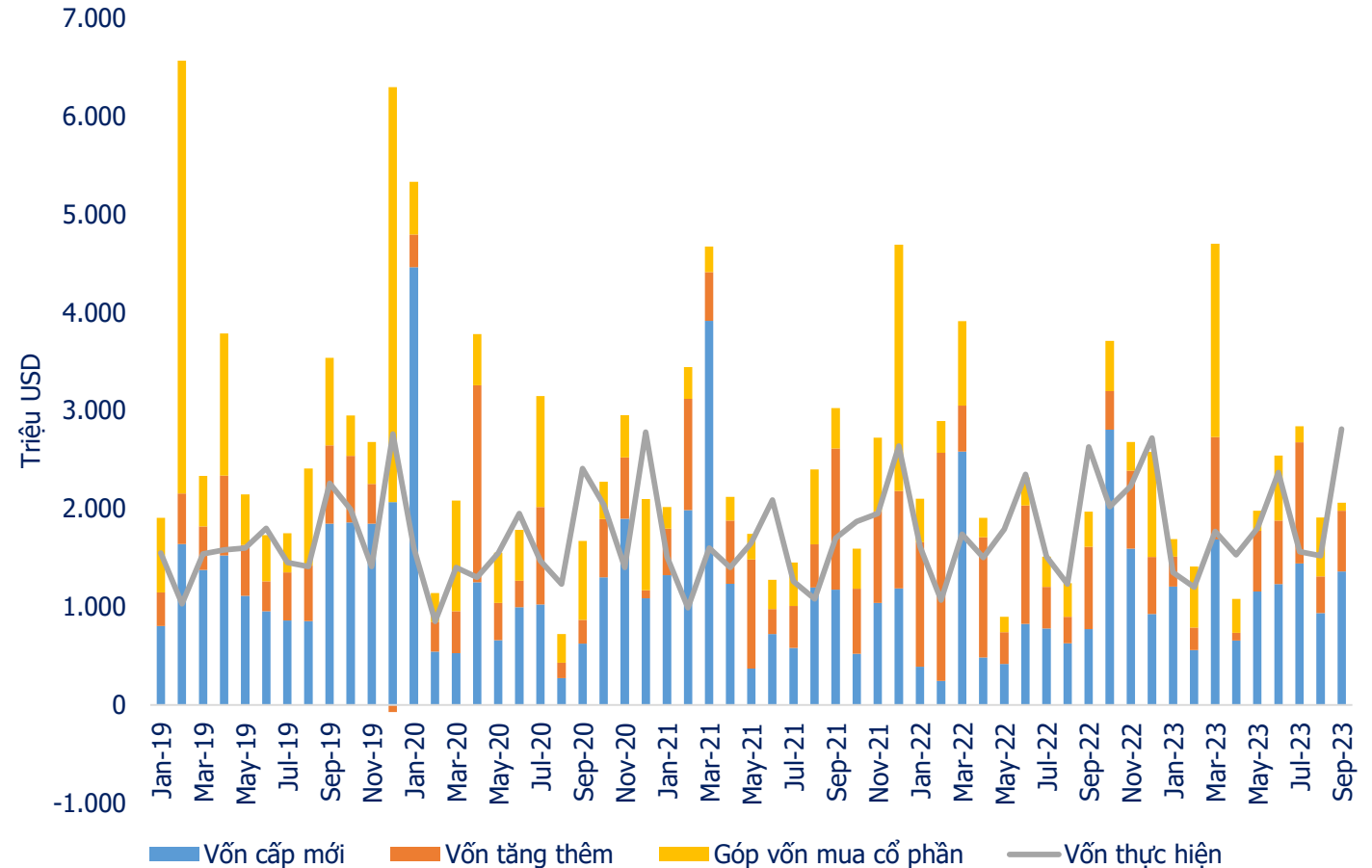
Tháng 9/2023, tổng vốn FDI đăng ký đạt 2,06 tỷ USD, tăng 8% MoM. Tính đến ngày 20/9/2023, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh vào Việt Nam đạt 20,21 tỷ USD (+7,8% YoY) trong đó, vốn cấp mới đạt 10,23 tỷ USD (+43,65% YoY), vốn tăng thêm đạt 5,15 tỷ USD (-38,31% YoY), góp vốn mua cổ phần đạt 4,83 tỷ USD (+47,28% YoY).

Vốn FDI thực hiện tháng 9 đạt 2,81 tỷ USD, 9 tháng đầu năm đạt 15,91 tỷ USD (+3,11% YoY), cao nhất giai đoạn 2018 – 2022.

Tính theo ngành nghề, công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 14 tỷ USD, chiếm gần 69,3% tổng vốn đăng ký, tăng 15,5% YoY. Ngành kinh doanh BĐS đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư gần 1,94 tỷ USD (-45% YoY), chiếm hơn 9,6% tổng vốn đăng ký. Tiếp theo là ngành tài chính ngân hàng và bán buôn bán lẻ với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt gần 1,54 tỷ USD (gấp gần 63,8 lần YoY) và gần 734 triệu USD (+18,7% YoY).

Hải Phòng và Nghệ An đang nổi lên là điểm sáng thu hút đầu tư ngành công nghiệp chế biến chế tạo hàm lượng công nghệ cao. Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng vừa trao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới cho Dự án Nhà máy sản xuất vật liệu phân hủy sinh học công nghệ cao ECOVANCE của Tập đoàn SK (Hàn Quốc) quy mô 500 triệu USD. Đây là nhà máy sản xuất vật liệu phân hủy sinh học công nghệ cao đầu tiên tại khu vực Đông Nam Á.

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

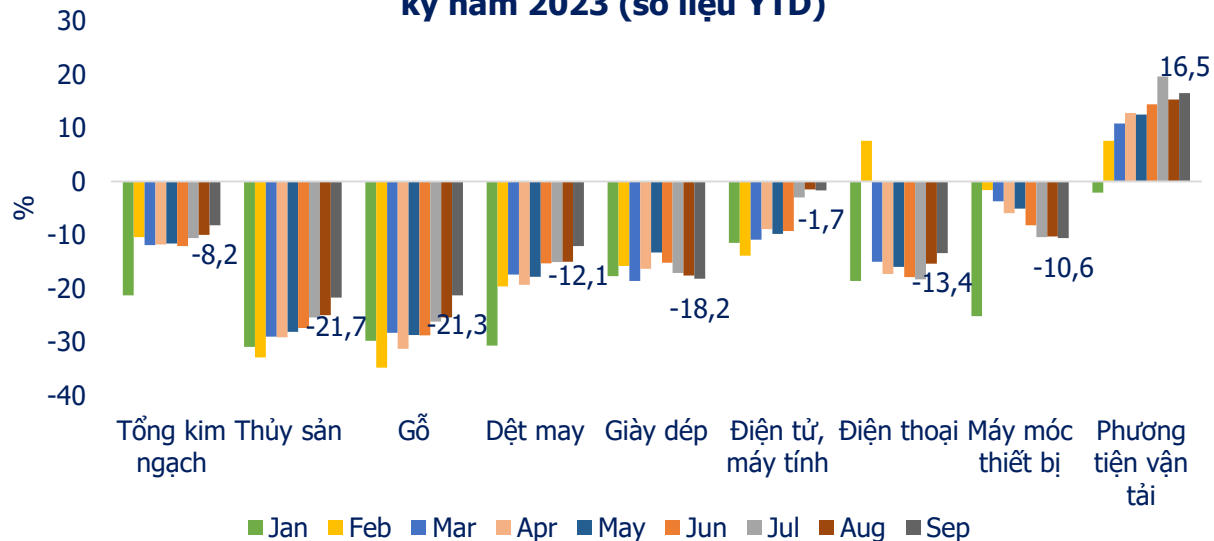
Tháng 9/2023, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận tín hiệu tích cực sau nhiều tháng từ đầu năm liên tiếp giảm. Tổng kim ngạch XNK hàng hóa tháng 9 ước đạt 60,53 tỷ USD, tăng 3,6% YoY, trong đó xuất khẩu tăng 4,6%, nhập khẩu tăng 2,6%.

Kim ngạch XK hàng hóa tháng 9 năm 2023 ước đạt 31,41 tỷ USD (-4,1% MoM, +4,6% YoY), lũy kế 9 tháng ước đạt 259,67 tỷ USD (-8,2% YoY). Xuất khẩu dệt may tháng 9 tăng 9,6% YoY, xơ sợi tăng 24,5% YoY, chất dẻo tăng 20,7% YoY, xuất khẩu thủy sản chỉ còn giảm 0,8% YoY cho tín hiệu bước đầu tích cực về thị trường.

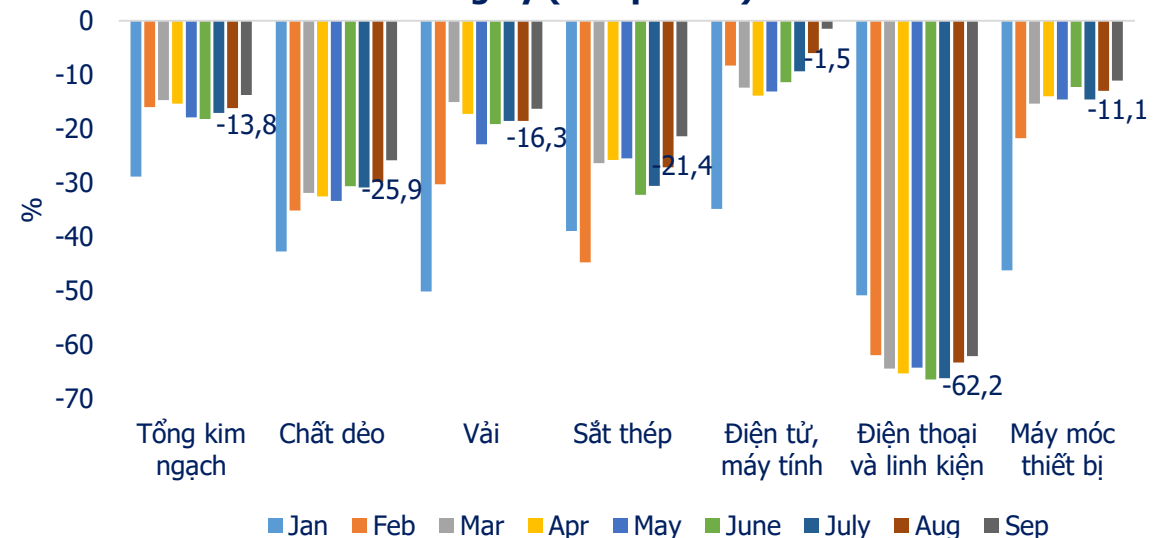
Kim ngạch NK hàng hóa tháng 9 năm 2023 ước đạt 29,12 tỷ USD (-0,7% MoM, +2,6% YoY), lũy kế 9 tháng ước đạt 237,99 tỷ USD (-13,8% YoY). Kim ngạch NK tiếp tục cải thiện ở sản phẩm máy móc thiết bị, điện tử máy tính và linh kiện với tốc độ giảm chậm lại qua từng tháng. Kim ngạch NK có xu hướng tăng theo tháng, tuy nhiên nhìn chung mức độ cải thiện vẫn hạn chế, đặc biệt khi thời điểm cuối năm thường là cao điểm nhập khẩu tư liệu sản xuất.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 9 ước tính xuất siêu 2,29 tỷ USD, tính chung 9 tháng ước tính xuất siêu 21,68 tỷ USD, là yếu tố tích cực hỗ trợ cho tỷ giá. Tuy nhiên điểm cần lưu ý là mức xuất siêu đến từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp trong nước 9 tháng năm 2023 vẫn đang nhập siêu 16,26 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)



Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ (số liệu YTD)



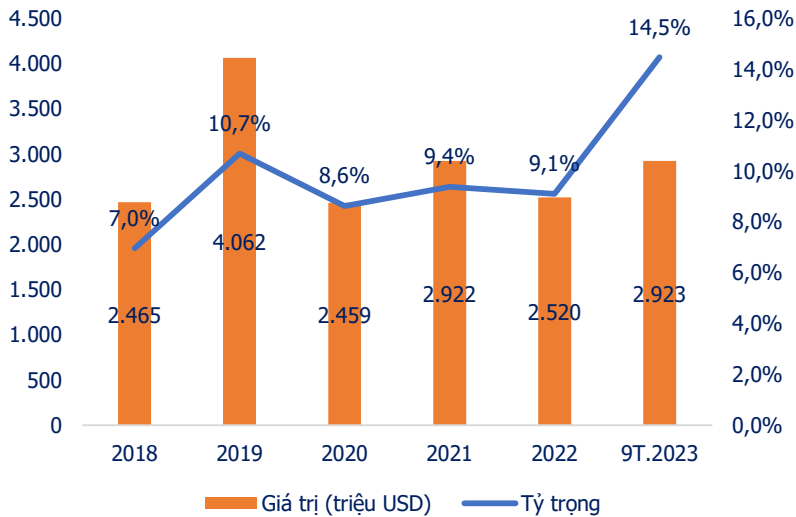


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

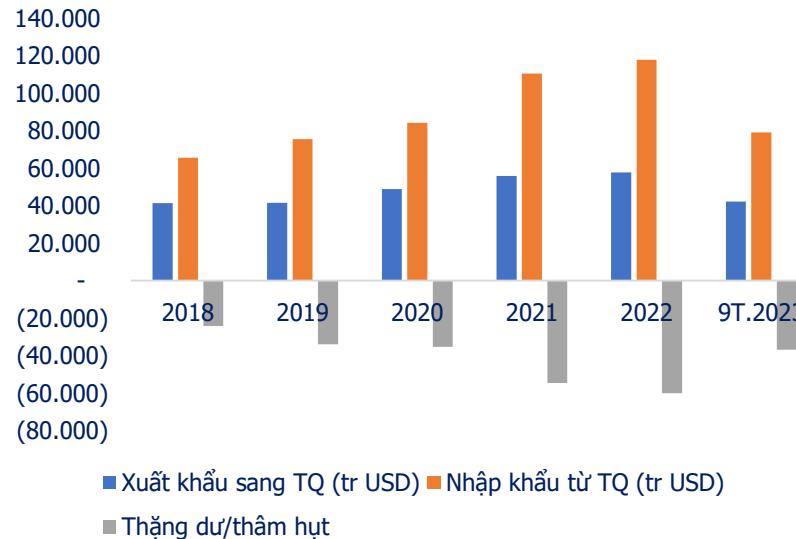
Biến cơ hội thành giá trị

Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc cải thiện trong tháng 9, kim ngạch xuất nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 121,3 tỷ USD, -8,37% YoY trong đó xuất khẩu tăng 2% còn nhập khẩu thu hẹp đà giảm xuống còn 13%. Lượng khách du lịch từ Trung Quốc 9 tháng đạt 1,12 triệu lượt, gấp hơn 15,6 lần của cả năm 2022 và tương ứng 103% tổng số lượng của 3 năm dịch 2020-2022. Vốn FDI từ Trung Quốc trong tháng 9 đạt 233 triệu USD (-35,2% MoM), lũy kế 8 tháng đạt 2,92 tỷ USD (+94,7% YoY), tương đương 116% số liệu của cả năm 2022.

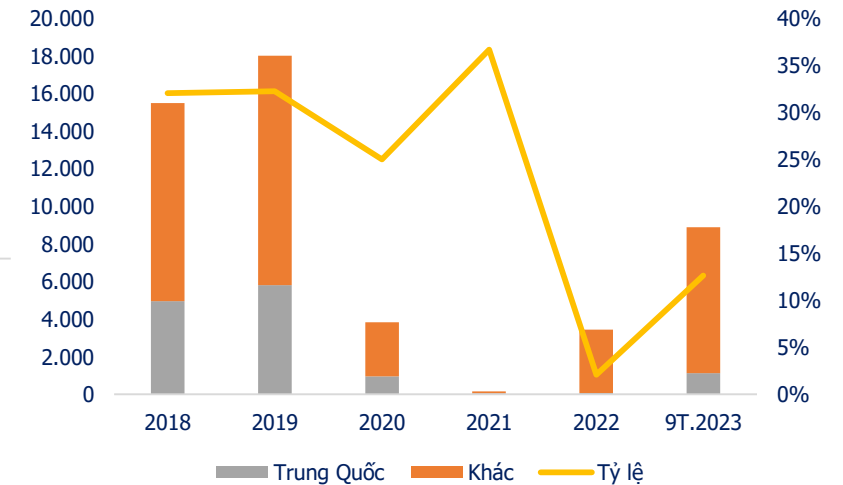
FDI từ Trung Quốc



XNK Việt Nam - Trung Quốc



Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2023

Chỉ tiêu	Oct-22	Nov-22	Dec-22	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23
Chỉ số kinh tế												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	6.3%	3.5%	0.2%	-8.0%	3.6%	-1.6%	0.50%	0.10%	2.80%	3.70%	2.60%	5.1
PMI (điểm)	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	20.20%	20.50%	19.80%	20%	13%	13.90%	12.80%	12.60%	10.90%	10.40%	10.00%	9.70%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	15.20%	15.10%	13.50%	-16.30%	-4.90%	-2.30%	-1.20%	-0.80%	0.50%	0.80%	1.30%	2.20%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-5.40%	-5.00%	-11%	-19.80%	-38%	7.40%	-17.90%	-7.30%	-4.30%	4.50%	8.20%	7.70%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	15.90%	13.40%	10.60%	-21.30%	-10.40%	-11.90%	-11.80%	-11.60%	-12.10%	-10.60%	-10.00%	-8.20%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	12.20%	10.10%	8.40%	-28.90%	-16%	-14.70%	-15.40%	-17.90%	-18.20%	-17.10%	-16.20%	-13.80%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	2.27	0.78	0.5	0.52	2.30	0.65	1.51	2.24	2.59	2.15	3.82	2.29
Ổn định vĩ mô												
Lạm phát (% YoY)	4.30%	4.37%	4.55%	4.89%	4.31%	3.4%	2.81%	2.43%	2%	2.06%	2.96%	3.66%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	2.14%	2.38%	2.59%	5.21%	5.08%	5.0%	4.90%	4.83%	4.74%	4.65%	4.57%	4.49%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	11.38%	11.50%	14.50%	0.65%	0.77%	1.6%	3.03%	3.27%	4.73%	4.28%	5.33%	6.10%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	3.08%	3.55%	6.15%	0.79%	0.32%	1.32%	1.71%	2.05%	3.71%	2.91%		4.75%
Lãi suất tái cấp vốn (%)	6%	6%	6%	6%	6%	5.5%	5.5%	5%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	3.5%	3.5%	3.50%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	5.05%	4.57%	4.55%	5.90%	5.20%	1.0%	4.41%	3.68%	0.33%	0.08%	0.07%	0.15%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	5.10%	5.15%	4.95%	4.40%	4.40%	3.5%	3.33%	3.28%	2.70%	2.65%	2.71%	2.90%
CDS 5 năm	162.8	148.55	140.12	125.62	118.37	134.4	133.85	124.91	120.18	110.34	128.00	145.49
USD/VND (% MoM)	4.09%	-0.60%	-4.30%	-0.80%	1.50%	-1.35%	-0.05%	0.10%	0.36%	0.45%	1.70%	0.90%



TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 9/2023

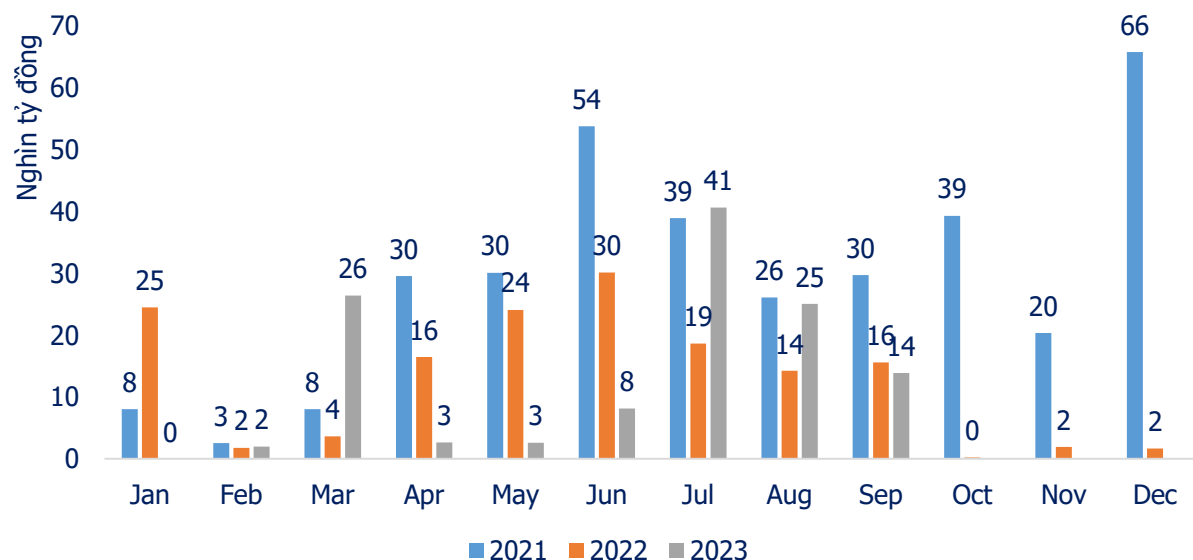
Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 9, đã có 14 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị 13.865 tỷ đồng, lãi suất trung bình 9,1%/năm, giảm nhẹ so với mức 9,25% trong tháng 8, kỳ hạn dao động từ 1,5 năm - 8 năm. Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 160.253 tỷ đồng, với 20 đợt phát hành ra công chúng trị giá 18.289 tỷ đồng và 131 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 141.964 tỷ đồng (chiếm 88,59% tổng số).

Về hoạt động mua lại trái phiếu, các doanh nghiệp đã mua lại 9.249 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 9. Tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn lũy kế từ đầu năm đến nay đạt 177.693 tỷ đồng (+25,8% YoY) trong đó ngân hàng là ngành dẫn đầu với 89.881 tỷ đồng (50,6%) tổng giá trị mua lại trước hạn.

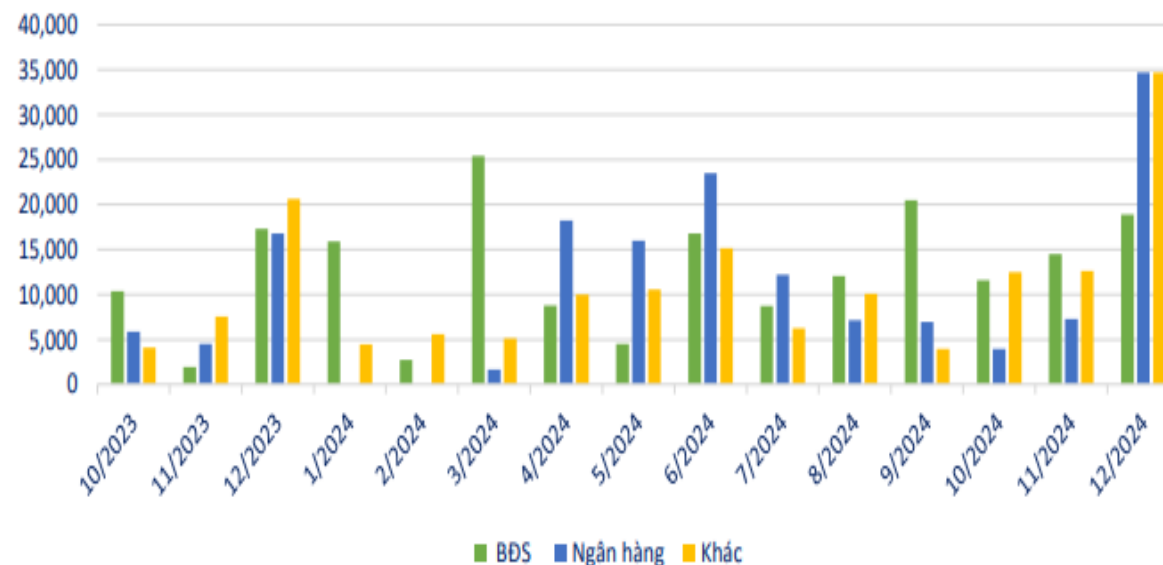
Trong quý cuối năm 2023, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 89.061 tỷ đồng, tập trung chủ yếu trong tháng 12 trong đó 33% (29.644 tỷ đồng) giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản, 30% (27.161 tỷ đồng) thuộc nhóm Ngân hàng.

Giá trị phát hành TPDN trong nước giai đoạn 2021-2023



Nguồn: HNX, VBMA

Giá trị TPDN đáo hạn đến hết 2024





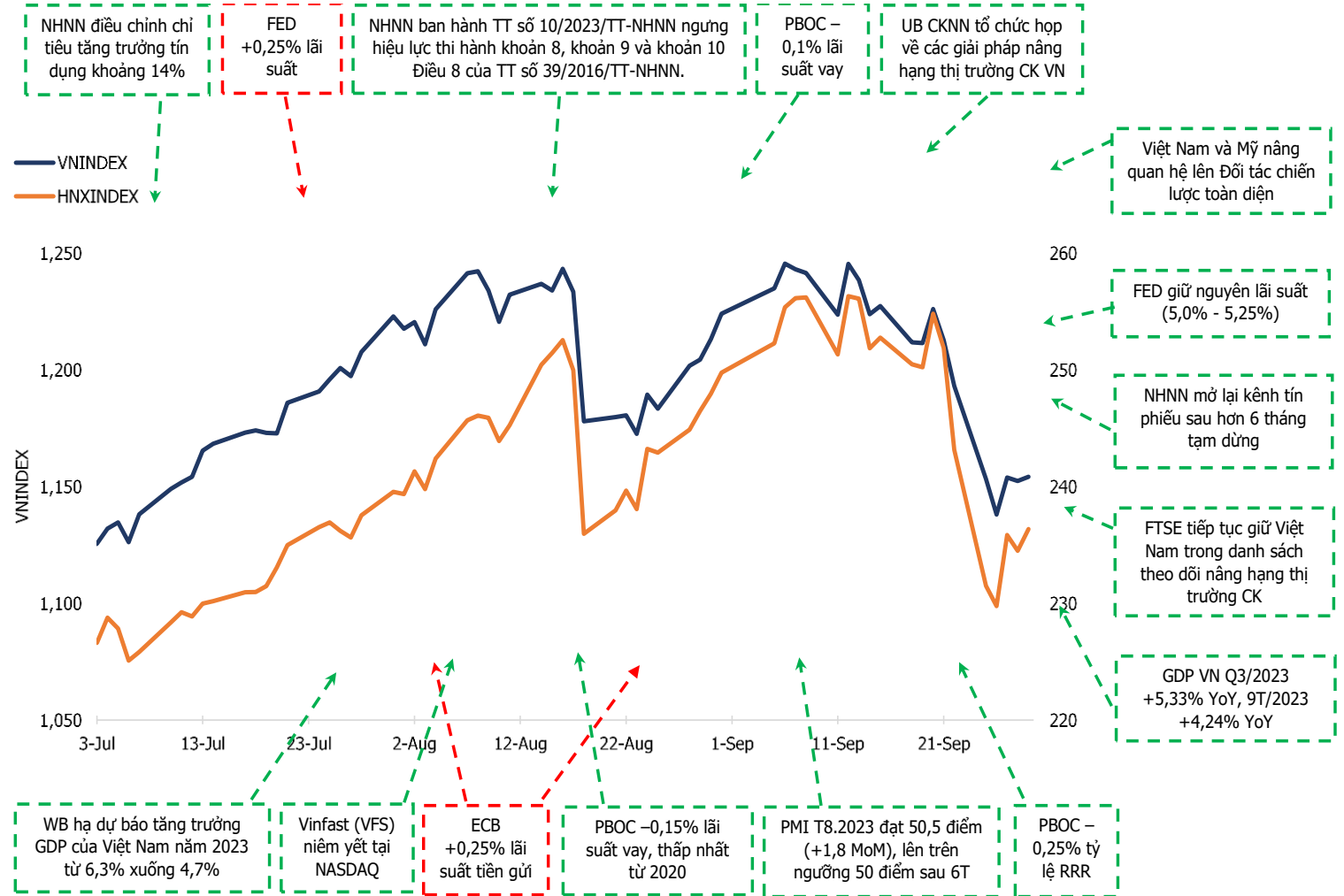
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

VN-INDEX biến động, giảm điểm mạnh trong tháng 9/2023.

VN-INDEX kết thúc tháng 09/2023 ở mức 1.154,15 điểm, giảm khá mạnh -5,71% so với tháng 08/2023, kết thúc xu hướng tăng liên tiếp kéo dài trong 04 tháng từ tháng 05/2023. VN-INDEX cũng kết thúc Q3/2023, duy trì tăng điểm 03 quý liên tiếp với mức tăng 3,03% so với Q2, mức tăng thấp hơn so với mức tăng giá của Q1, Q2/2023.

Áp lực bán gia tăng khi chỉ số tiếp cận và không vượt qua được vùng kháng cự mạnh (đỉnh cũ tháng 8/2023 quanh 1.250 điểm) sau giai đoạn tăng điểm từ vùng giá 1.000 điểm - 1.050 điểm. Bên cạnh đó lợi tức trái phiếu Chính Phủ Mỹ tăng mạnh lập đỉnh mới sau khi FED dự kiến sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong cuối năm 2023 và giữ mức lãi suất cao trong thời gian dài hơn dự kiến có ảnh hưởng tiêu cực tới dòng vốn ngoại. Ngoài ra việc Ngân hàng Nhà Nước phát hành tín phiếu liên tục cuối tháng 09 với mức đã phát hành 93.800 tỷ đồng để giảm áp lực tới tỉ giá cũng tác động tới tâm lý của nhà đầu tư. Lần gần nhất NHNN hút tiền qua kênh tín phiếu là vào tháng 2 năm nay với tổng quy mô hút gần 400.000 tỷ đồng trong một tháng.



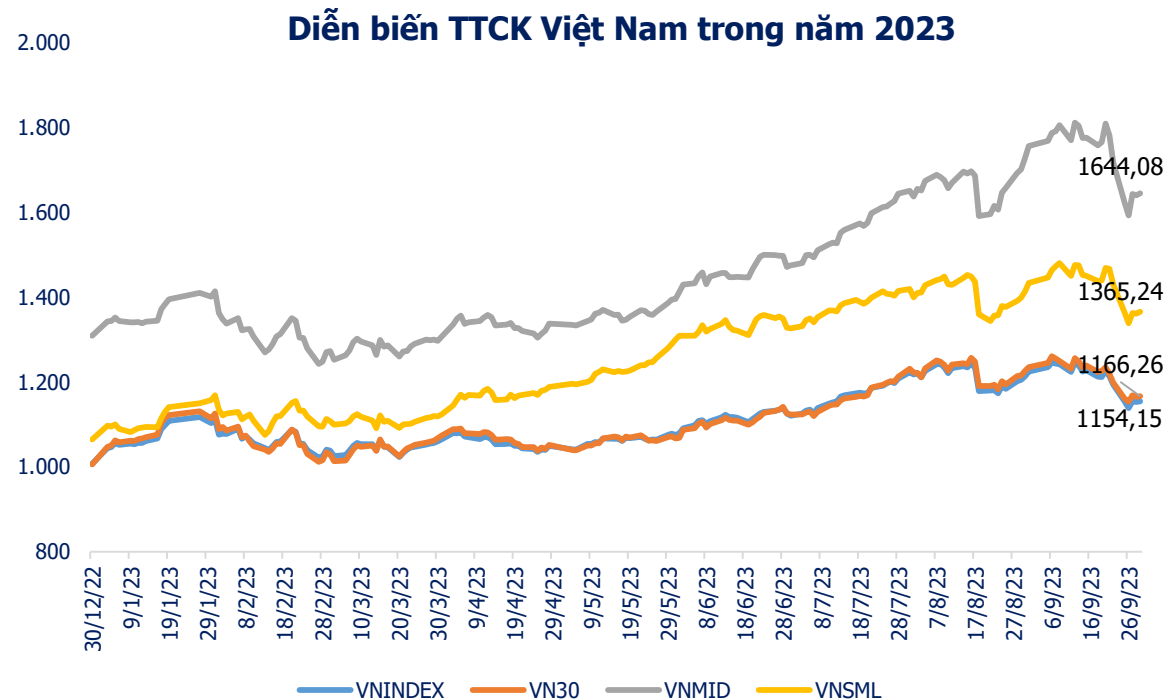
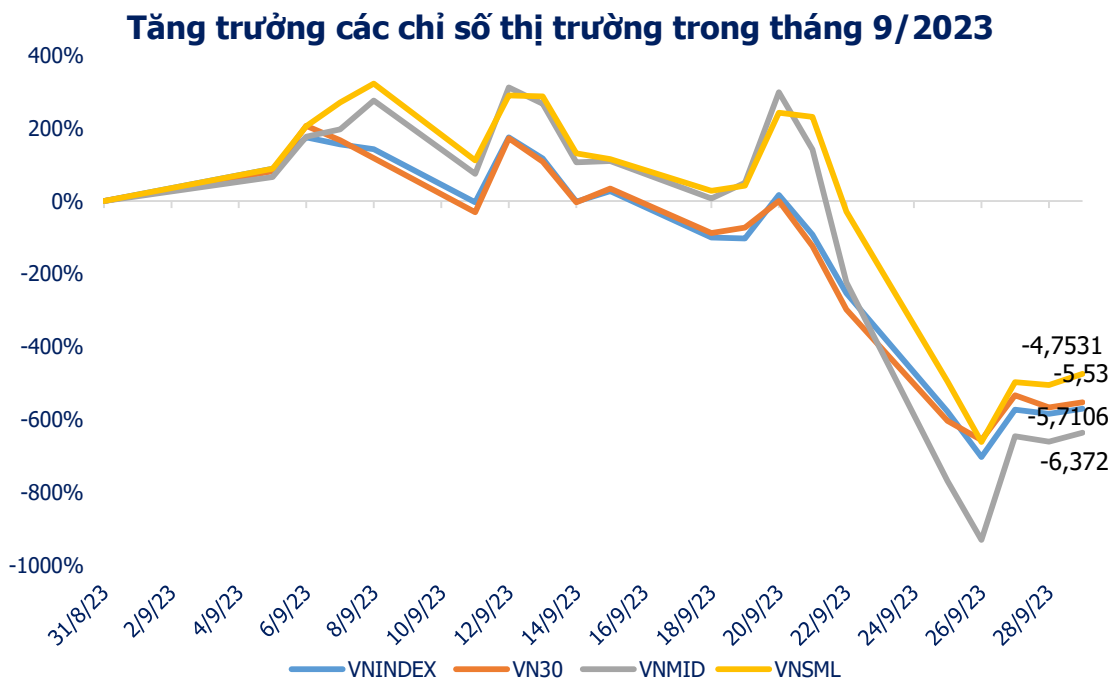


Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Với việc thị trường giảm mạnh trong tuần cuối tháng 9, nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình sau khi đã tăng giá vượt trội trong tháng 07, 08 là nhóm có diễn biến giảm giá mạnh nhất. Trong tháng 9 chỉ số đại diện VNMIID chịu áp lực giảm mạnh 9,31% trước khi phục hồi trở lại, kết thúc tháng 9 giảm 6,37% so với tháng 08/2023. Nhóm cổ phiếu bluechip, đại diện là VN30 cũng chịu áp lực điều chỉnh với mức giảm 5,53%. Trong khi đó nhóm vốn hóa nhỏ VNMSL chịu áp lực giảm ít hơn với mức giảm 4,75%.

Chỉ số VN-INDEX kết thúc Q3 tăng 3,03% so với Q2/2023, duy trì 03 quý liên tiếp phục hồi tăng điểm. Thanh khoản và điểm số thị trường duy trì tăng 03 quý liên tiếp.





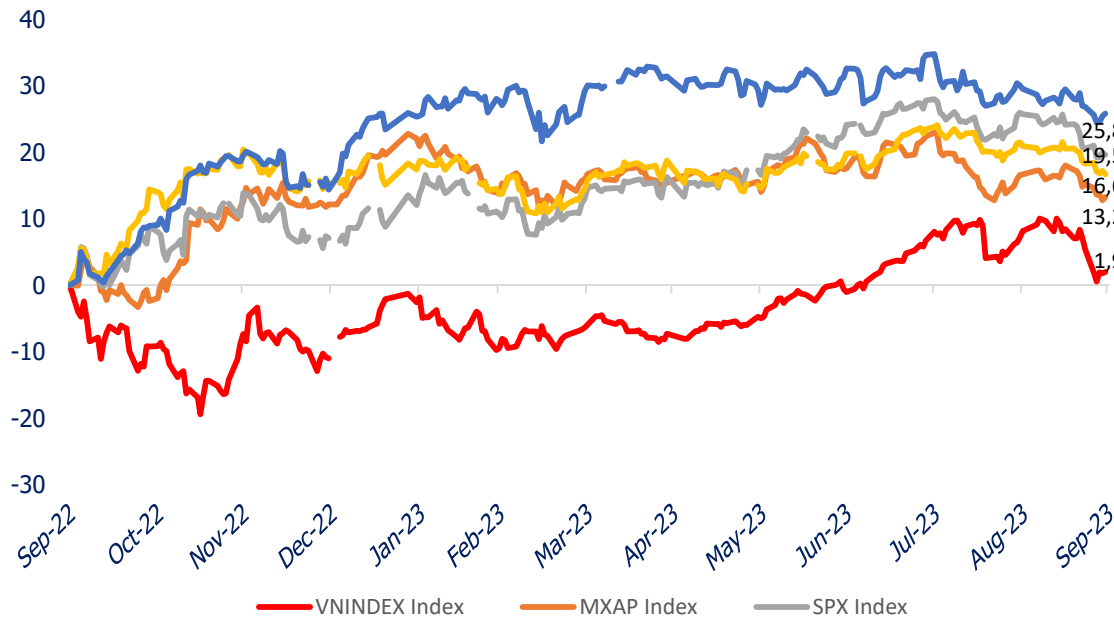
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

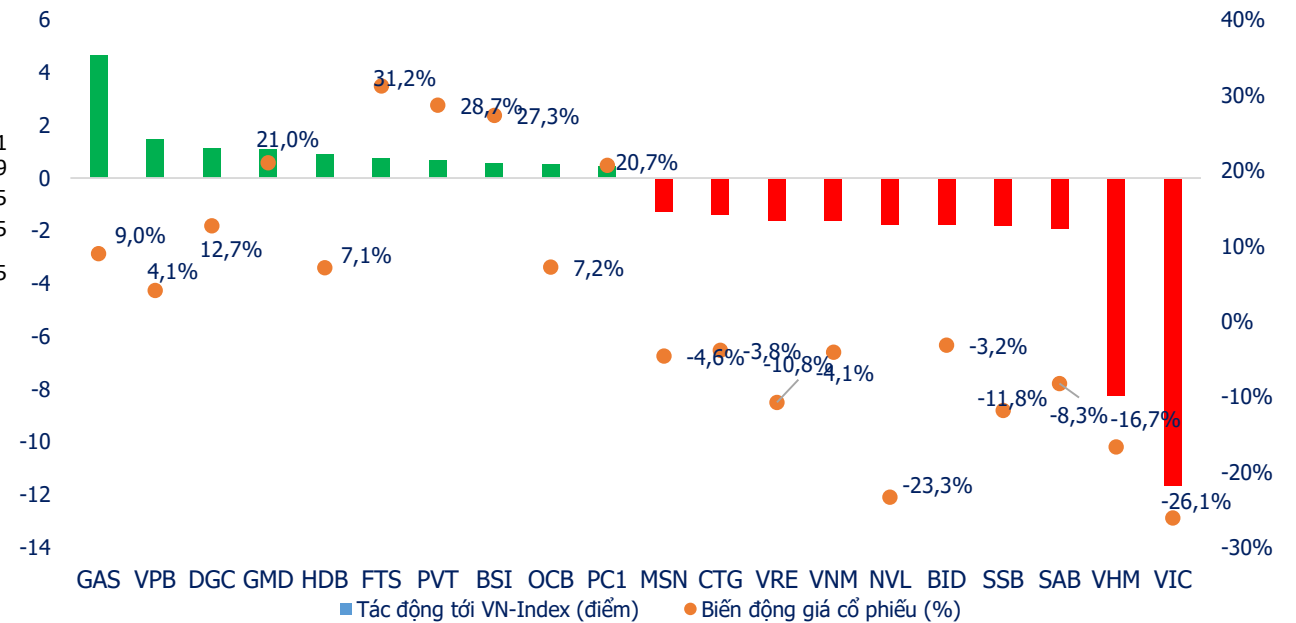
Trong tháng 9/2023, thị trường chứng khoán Việt Nam là thị trường giảm giá mạnh nhất so với các chỉ số chứng khoán trong khu vực. Xét lũy kế 12 tháng, VN-INDEX có diễn biến kém hiệu quả nhất khi phục hồi không đáng kể so với cuối tháng 09/2022.

Trái ngược với tháng 08/2023 khi VIC có ảnh hưởng tích cực đến thị trường thì trong tháng 9, chính cổ phiếu này gây ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số VN-INDEX với mức giảm -26,1%, mạnh nhất trong VN30. Ảnh hưởng tiêu cực tiếp theo là VHM (-16,7%), SAB (-8,3%), SSB (-11,8%)... Ở chiều ngược lại Dầu khí là nhóm ngành có ảnh hưởng tích cực nhất lên thị trường chung và cũng nhóm ngành nổi bật nhất với GAS (+9,0%), PVT (+28,7%)... bên cạnh các nhóm ngành như hóa chất DGC (+12,7%), cảng biển GMD (+21,0%) và dịch vụ tài chính, chứng khoán với FTS (+31,2%), BSI (+27,3%)...

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index, T9/2023



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

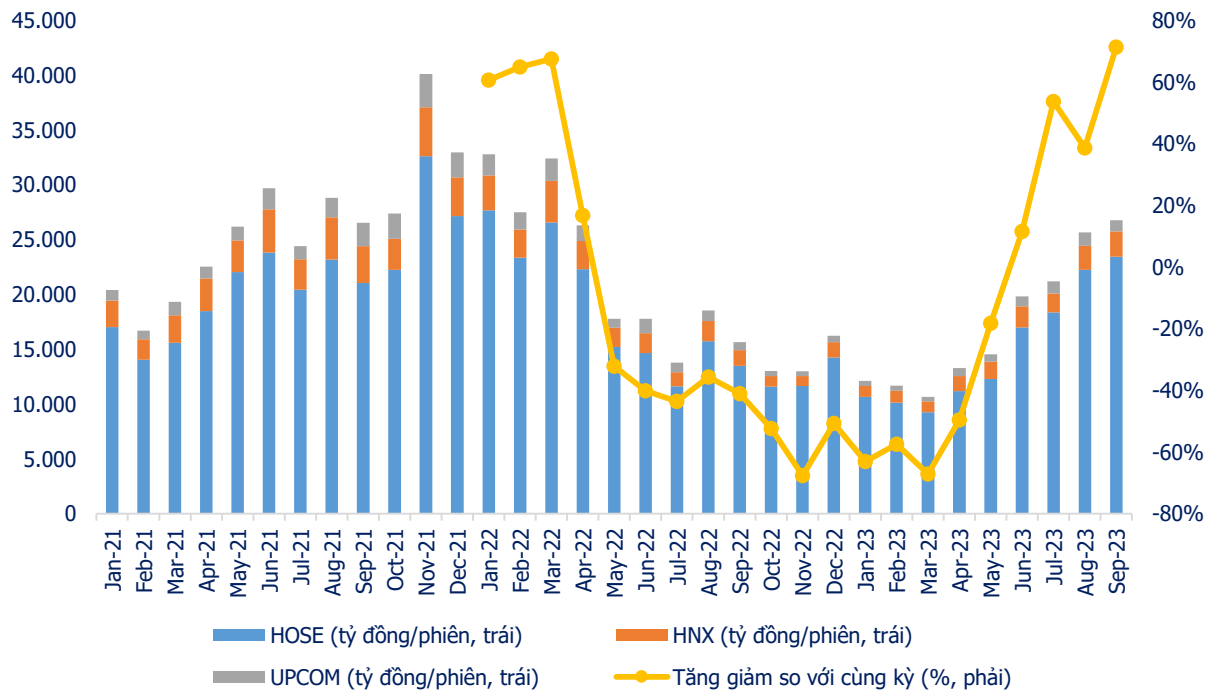


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

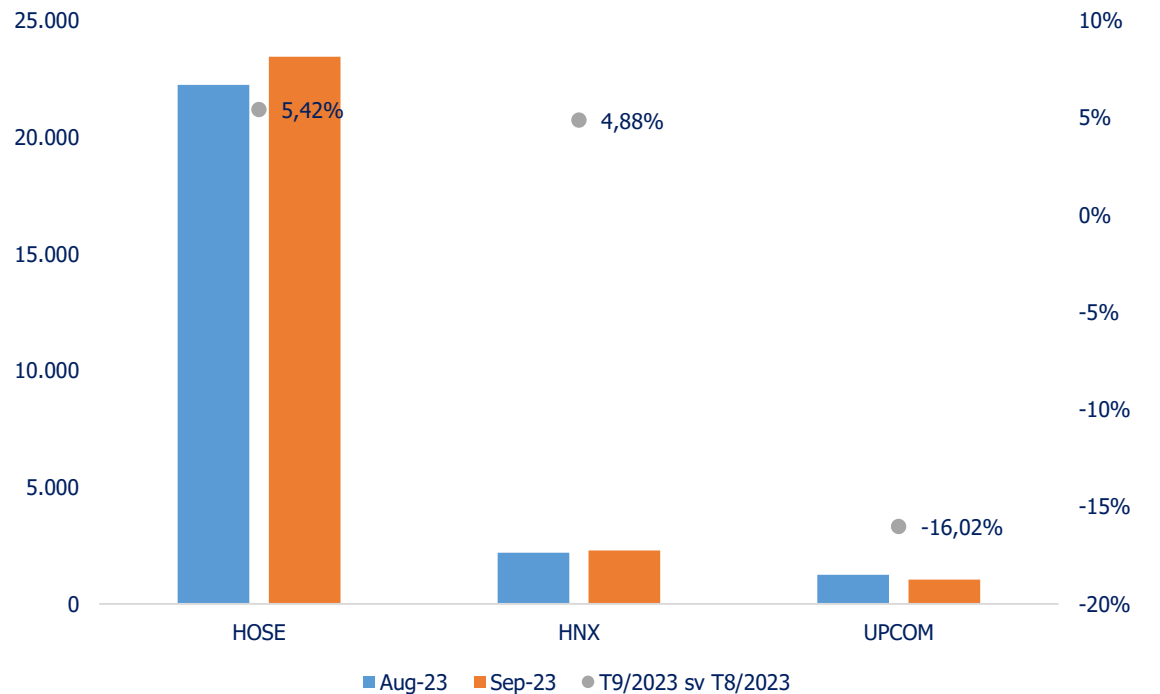
Thanh khoản tăng tháng thứ 6 liên tiếp, tuy nhiên thể hiện áp lực bán, phân phối ngắn hạn mạnh. Giá trị giao dịch trung bình 3 sàn tháng 9/2023 đạt 26.782 tỷ đồng/phiên (+4,34% MoM và tăng mạnh +71,33% YoY). Trong đó tại HOSE đạt 23.436,57 tỷ đồng/phiên (+5,42% MoM), tại HNX là 2.298,57 tỷ đồng (+4,88% MoM), Upcom là 1.046,56 tỷ đồng/phiên (-16,02% MoM).

Thanh khoản thị trường tăng trong tháng 09/2023 thể hiện áp lực bán mạnh khi VN-INDEX không thể vượt lên vùng đỉnh giá tháng 08/2023 và tạo 02 đỉnh ngắn hạn ở vùng 1.250 điểm. Diễn biến của thị trường trong tháng 09/2023 cũng khá tiêu cực với thanh khoản gia tăng khi giảm điểm và thanh khoản suy giảm khi giá phục hồi.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



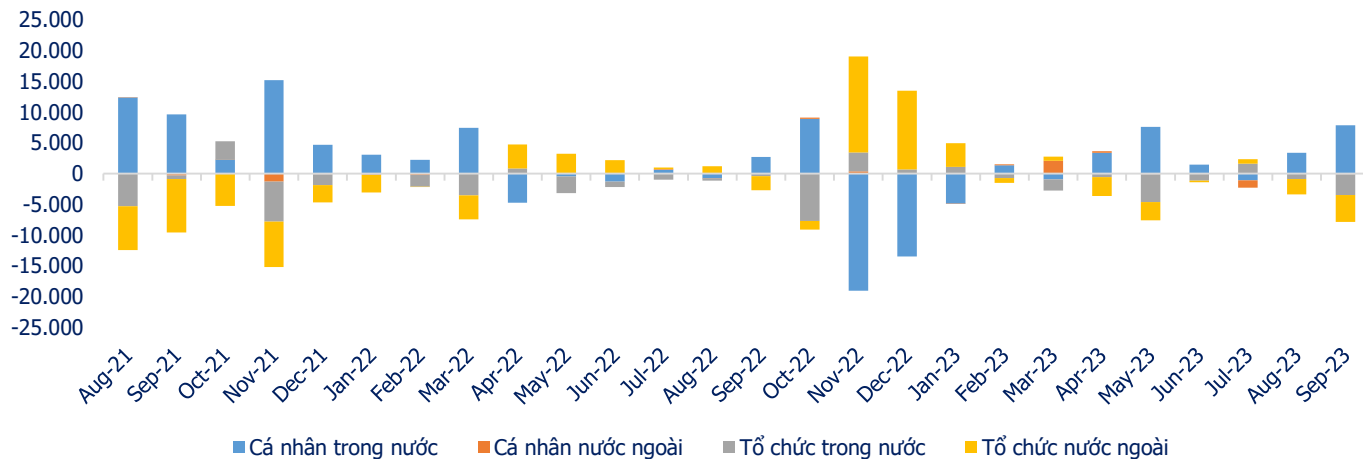
GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



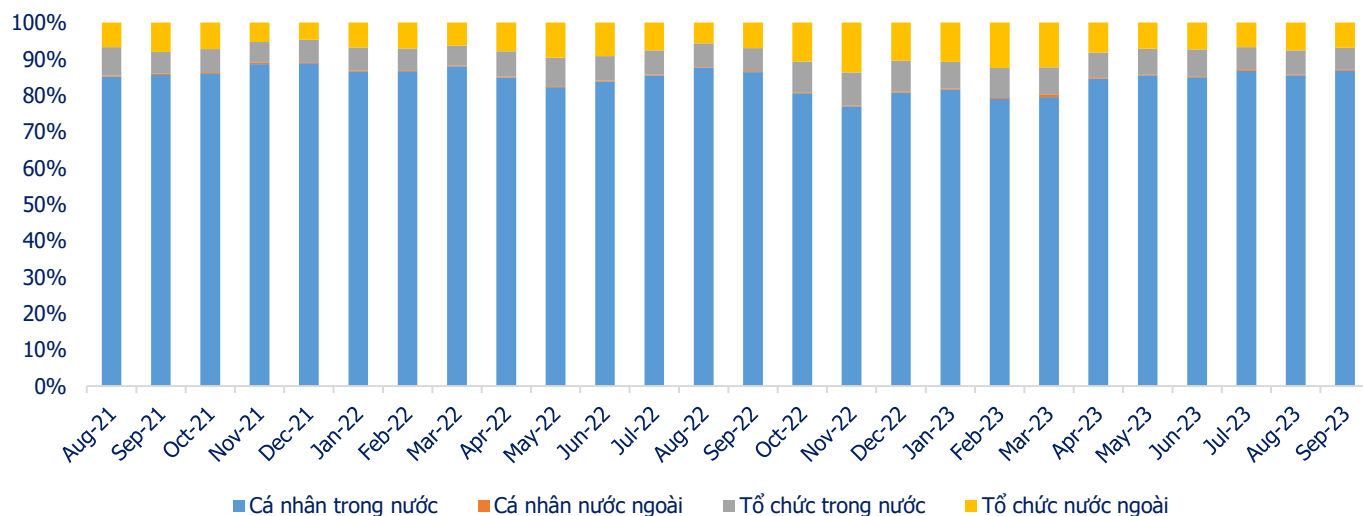


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Tiếp nối xu thế trong tháng 8, tháng 9/2023 nhà đầu tư cá nhân tiếp tục mua ròng với giá trị gia tăng mạnh hơn lên 7.853,37 tỷ đồng (+132,47% MoM), cân đối với áp lực bán ròng liên tiếp của khối nhà đầu tư tổ chức (4.359,08 tỷ đồng của khối ngoại và 3.387,36 tỷ đồng của nhà đầu tư tổ chức trong nước).

Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân cũng tăng 1,19% so với tháng 8 lên chiếm 86,72% toàn thị trường, vượt mức trung bình. Trong khi đó tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài giảm xuống còn 6,93% từ mức 7,62% trong tháng 8, dưới mức trung bình. Các nhà đầu tư tổ chức trong nước cũng giảm tỷ trọng giao dịch xuống còn 6,10% từ mức 6,60%.

Như vậy sau khi bán ròng trong tháng 7/2023, nhà đầu tư cá nhân đã mua ròng mạnh trở lại trong tháng 8, 9 với giá trị 11.231,54 tỷ đồng. Lũy kế mua ròng 10.115,64 tỷ đồng trong Q3/2023 sau khi mua ròng 12.408,64 tỷ đồng trong Q2/2023.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

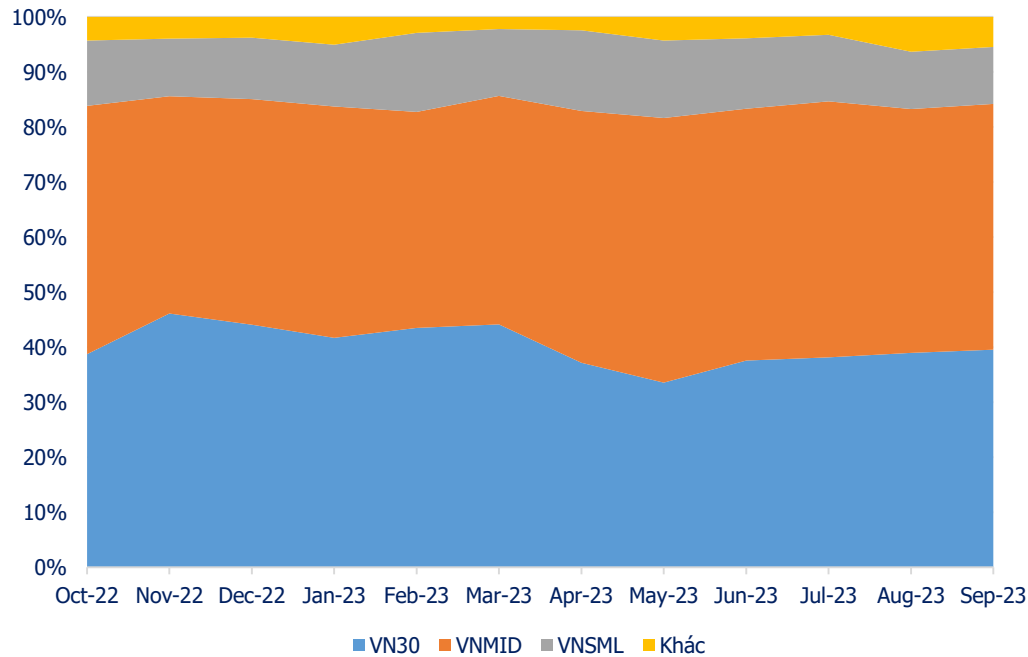


Biến cơ hội thành giá trị

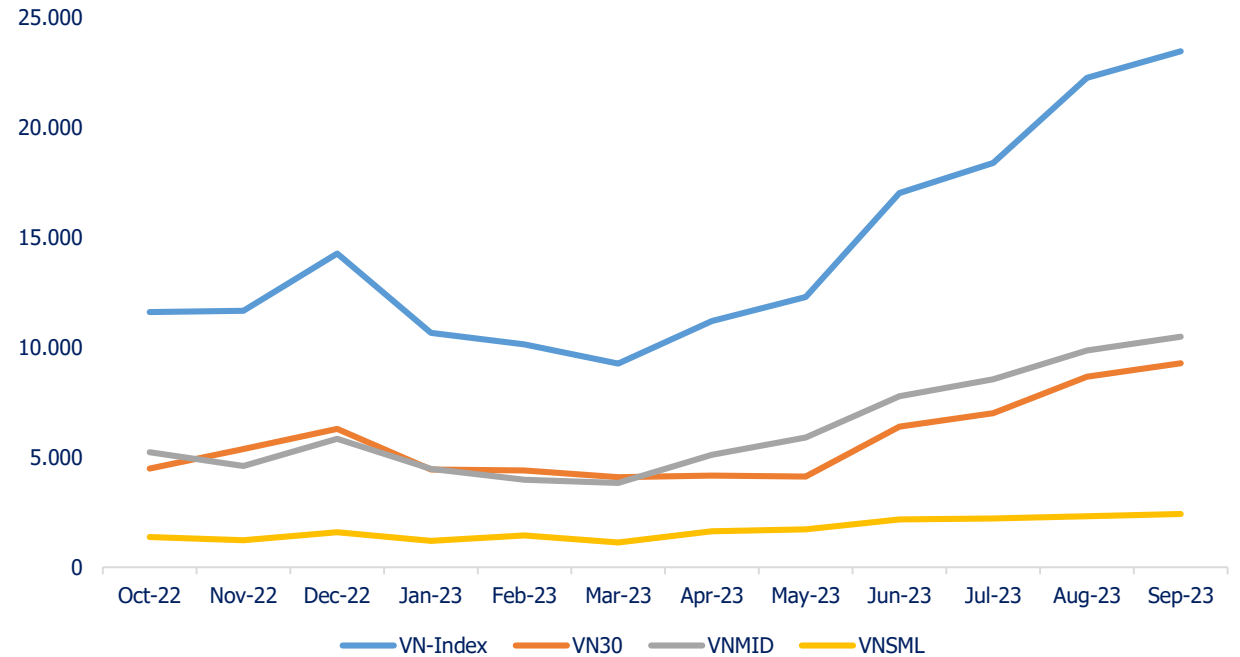
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Với giá trị bán ròng gia tăng của nhà đầu tư tổ chức trong tháng 9, tỷ trọng giao dịch của nhóm VN30 tiếp tục tăng lên 39,55% (mức trung bình 40%). Trong khi đó tỷ trọng giao dịch tại nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VNMID vẫn tăng nhẹ lên mức 44,67%, trên mức trung bình 01 năm. Nhóm VNSML tiếp tục thu hẹp, giảm tháng thứ 6 liên tiếp còn chiếm 10,35% trong thị trường. Trong khi các cổ phiếu khác chiếm 5,43% giảm trở lại sau khi tăng mạnh khá đột biến trong tháng 8/2023.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, Fiiingroup, SHS Research

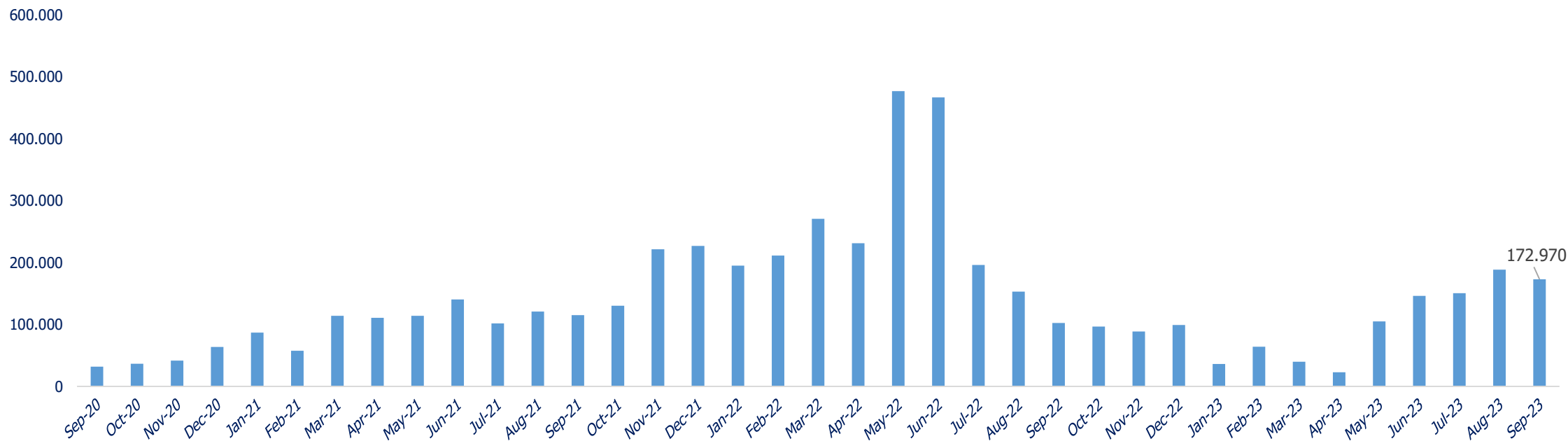


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới đạt 172.970 tài khoản trong tháng 9, giảm 8% so với tháng trước nhưng vẫn giữ duy trì ở mức cao trong một năm trở lại đây, đồng thời chấm dứt chuỗi 4 tháng tăng trưởng liên tiếp. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023 có 926.200 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 59,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 9/2023 đạt trên 7,82 triệu tài khoản (tương đương khoảng hơn 8% dân số Việt Nam) , trong đó 7,77 triệu tài khoản là của nhà đầu tư nội (99,4%), số tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là 44.706 tài khoản.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng (cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước)



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



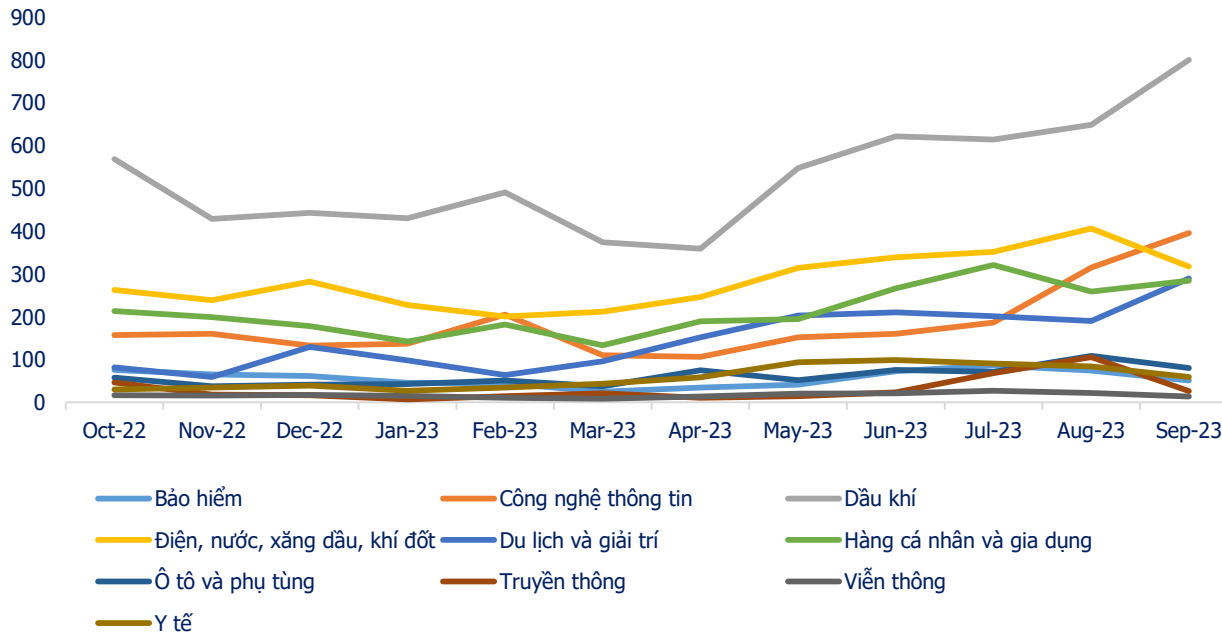
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

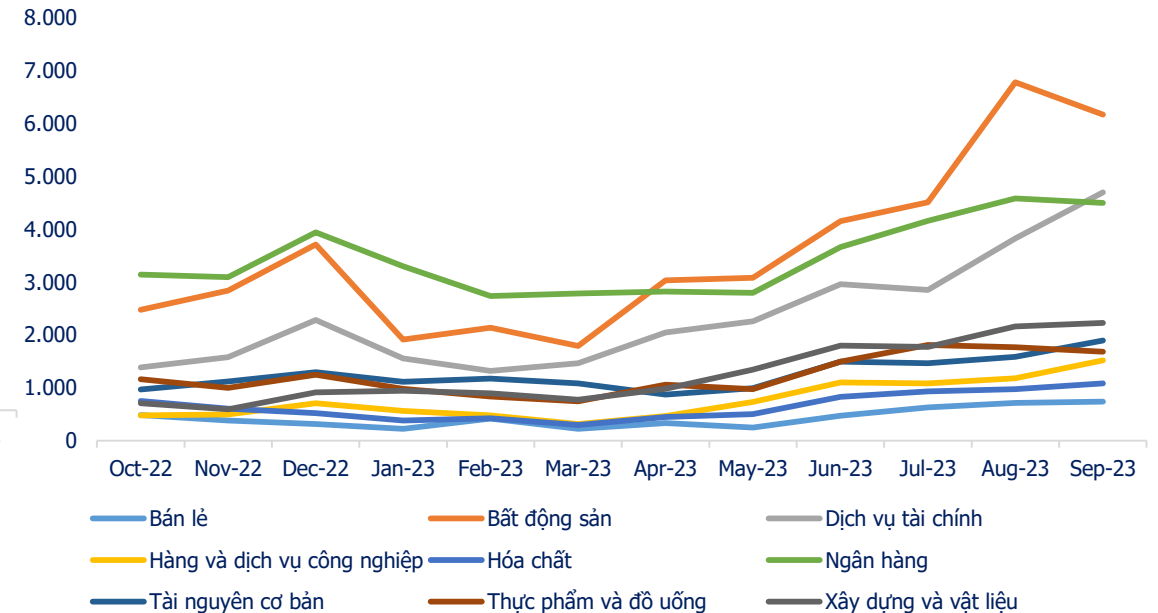
Bất động sản, ngân hàng, dịch vụ tài chính tiếp tục là 3 nhóm ngành có giá trị giao dịch bình quân cao trong tháng 9. Trong đó nhóm dịch vụ tài chính có thanh khoản trung bình tiếp tục gia tăng 22,7% so với tháng 8, chủ yếu do khối lượng giao dịch tăng. Trong tháng 9, giá trị giao dịch trung bình của nhóm dịch vụ tài chính đã vượt lên trên nhóm ngân hàng, cho thấy tính chất đầu cơ gia tăng vượt mức đối với nhóm này trong tháng 9/2023. Trong khi nhóm bất động sản giá trị giao dịch giảm 9% sau khi tăng mạnh trong tháng 8.

Xét về mức tăng trưởng thanh khoản, gia tăng mạnh nhất ở nhóm du lịch và giải trí (+52,6% MoM), tiếp theo là nhóm hàng và dịch vụ công nghiệp (+29,2%), công nghệ thông tin (+25,8%), dầu khí (+23,3%) khi tình hình sản xuất kinh doanh các hoạt động công nghiệp cải thiện trở lại, cũng như giá dầu duy trì ở mức cao. Trong khi đó truyền thông (-74,9%), bảo hiểm (-31,2%), ô tô và phụ tùng (-26,2%) là những ngành có thanh khoản giảm, không thu hút dòng tiền.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



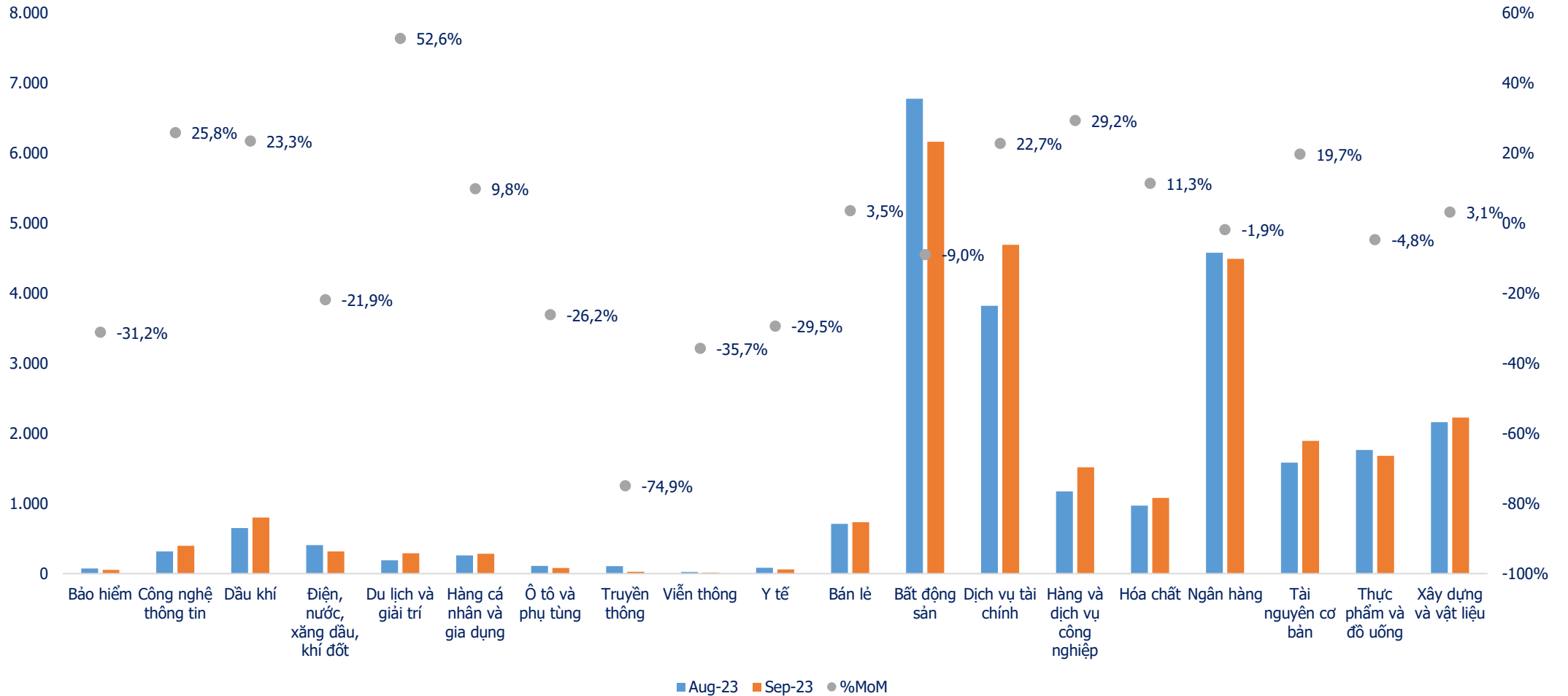
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



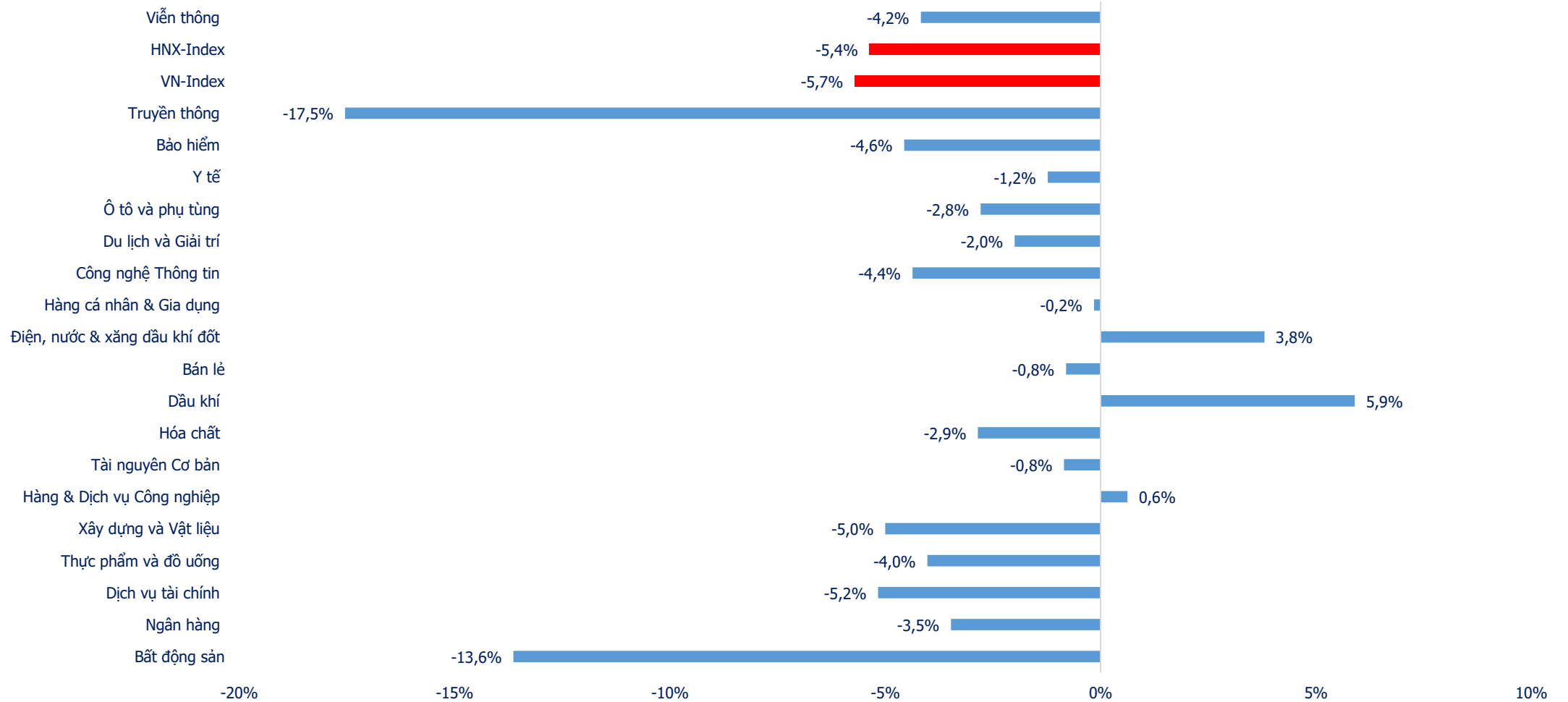
Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 9/2023





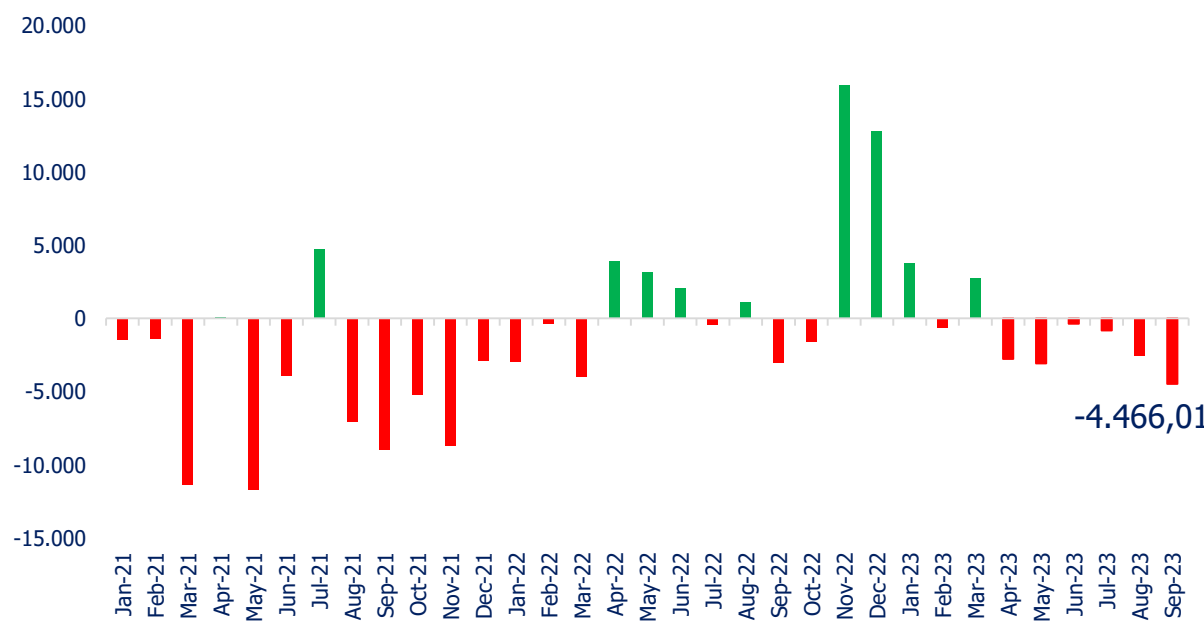
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

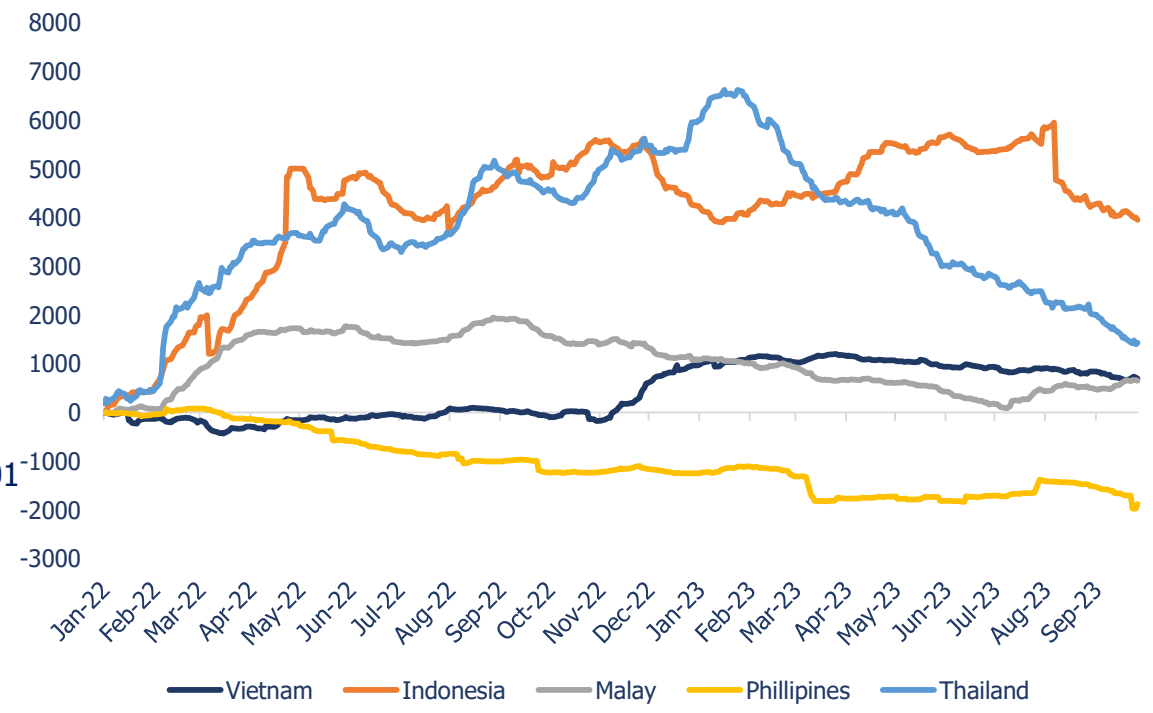
Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng bán ròng trong tháng 9/2023 với giá trị 4.466,01 tỷ đồng, ghi nhận tháng bán ròng thứ 6 liên tiếp trên sàn HOSE. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 8.129,45 tỷ trên sàn HOSE.

So với một số thị trường khác trong khu vực, tính lũy kế từ đầu năm 2022, khối ngoại vẫn mua ròng trên thị trường Việt Nam, mua ròng mạnh ở thị trường Indonesia và bán ròng khá mạnh đối với thị trường Phillipines. Tuy nhiên xu hướng chủ yếu là mua ròng mạnh trong năm 2022 và bán ròng trong năm 2023.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2023)



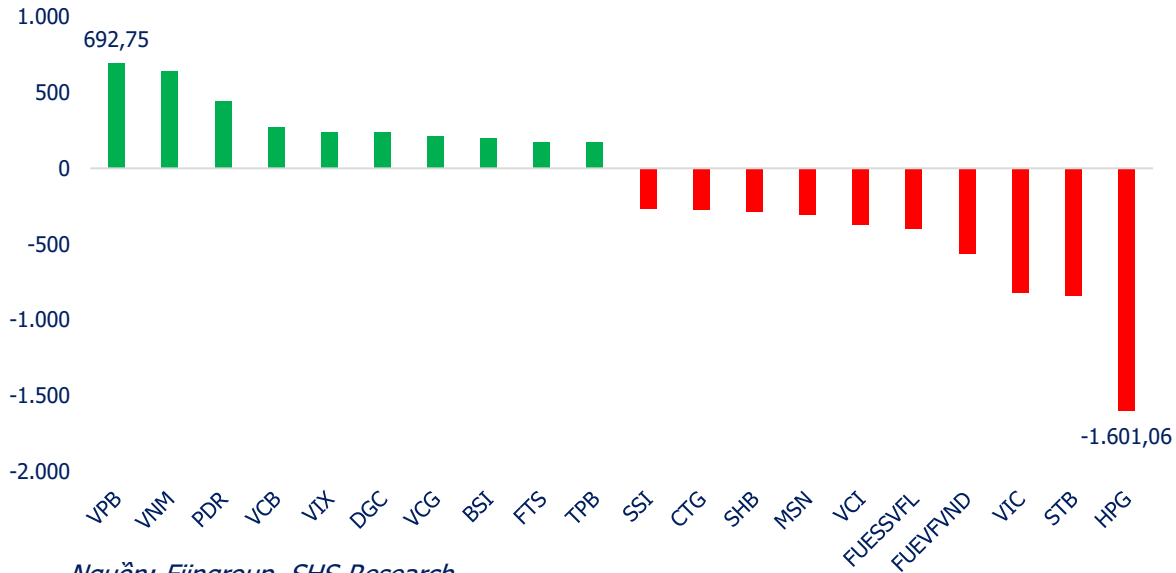
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



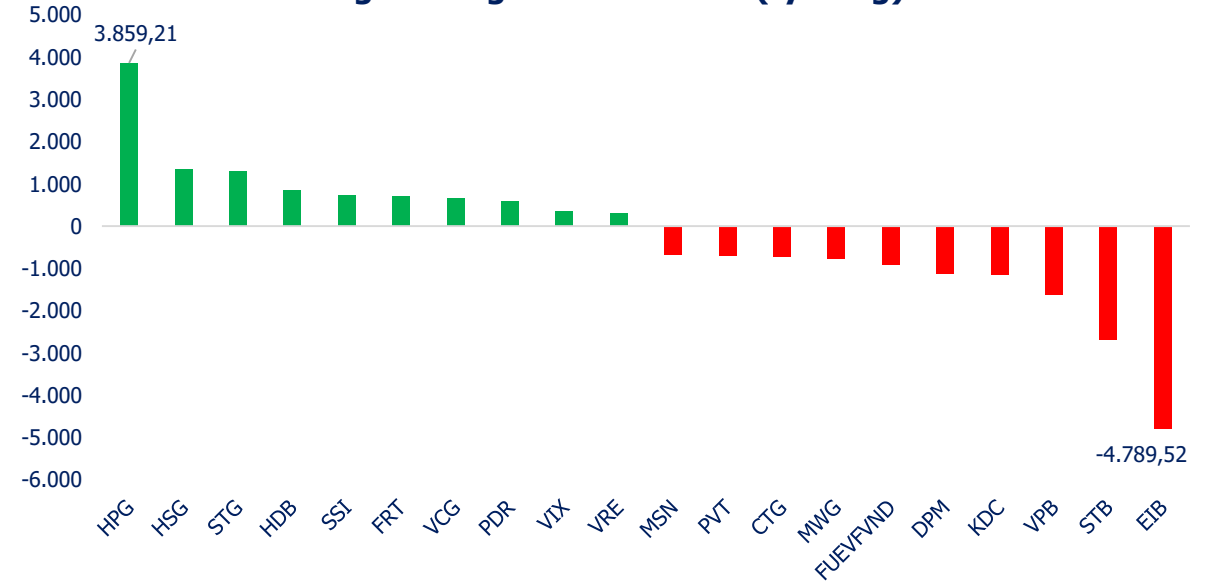
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 9/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 9 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

HPG (-1.601,06 tỷ đồng) tiếp tục là tâm điểm bán ròng của khối ngoại trong tháng 9, tiếp theo là STB (-841,08 tỷ đồng), VIC (-819,04 tỷ đồng) và 02 chứng chỉ quỹ FUEVFNVD (-563,32 tỷ đồng), FUESSVFL (-398,56 tỷ đồng) chịu áp lực bán mạnh của khối ngoại. Ở chiều ngược lại VPB (+692,75 tỷ đồng), VNM (+636,12 tỷ đồng), PDR (+445,39 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu được mua ròng trong tháng 9.

Lũy kế 09 tháng năm 2023, khối ngoại bán ròng mạnh với EIB (-4.789,52 tỷ đồng), STB (-2.692,72 tỷ đồng), VPB (-1.627,78 tỷ đồng), KDC (-1.145,00 tỷ đồng), DPM (-1.134,37 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, mặc dù bán ròng mạnh trong tháng 8, 9 nhưng lũy kế nhóm thép vẫn được khối ngoại mua ròng với giá trị lớn như HPG (+3.859,21 tỷ đồng), HSG (+1.342,67 tỷ đồng) và STG (+1.284,78 tỷ đồng), HDB (+852,57 tỷ đồng)...



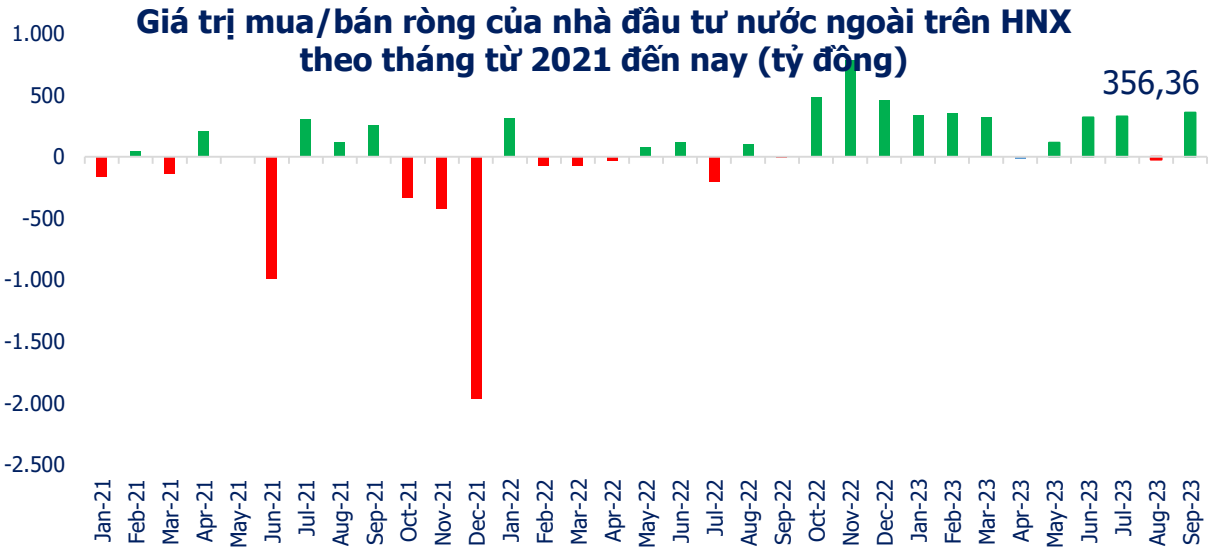
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

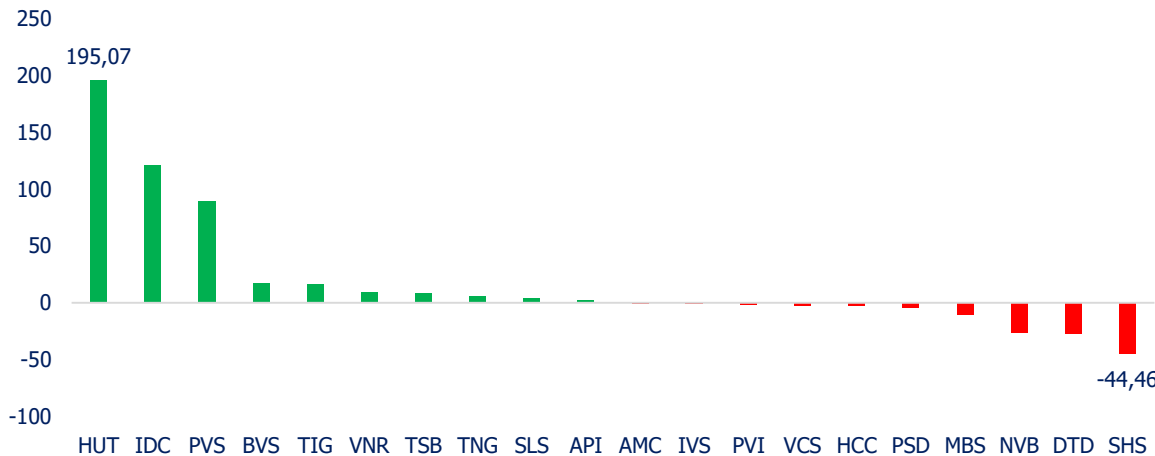
Tại HNX, khối ngoại đã trở lại mua ròng với giá trị khá đột biến 356,36 tỷ đồng. Trong đó mua ròng khá mạnh đột biến với HUT (+195,07 tỷ đồng), IDC (+120,78 tỷ đồng), PVS (+89,29 tỷ đồng) cũng được mua ròng tốt trong tháng 9. Ngược lại SHS (-44,46 tỷ đồng) chịu áp lực bán ròng sau khi mua ròng liên tiếp nhiều tháng trước và DTD (-27,27 tỷ đồng), NVB (-26,20 tỷ đồng).

Lũy kế 09 tháng 2023 khối ngoại duy trì mua ròng mạnh với giá trị 2.086,10 tỷ đồng trên HNX, nổi bật nhất là IDC (+708,43 tỷ đồng), **SHS (+600,65 tỷ đồng)**, CEO (+255,11 tỷ đồng) và HUT (+237,83 tỷ đồng)...

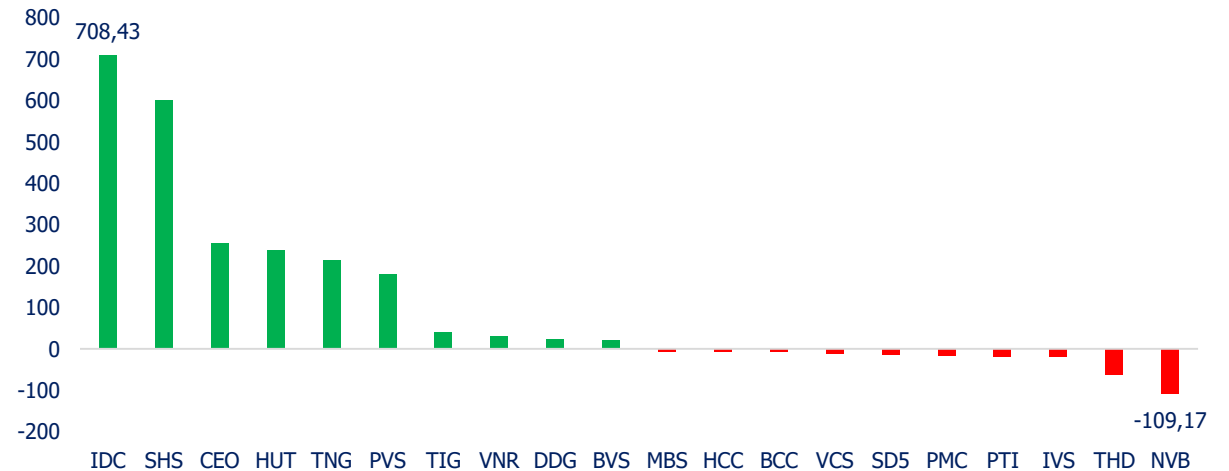
Nguồn: Fiigroup, SHS Research



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 9/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 9 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)





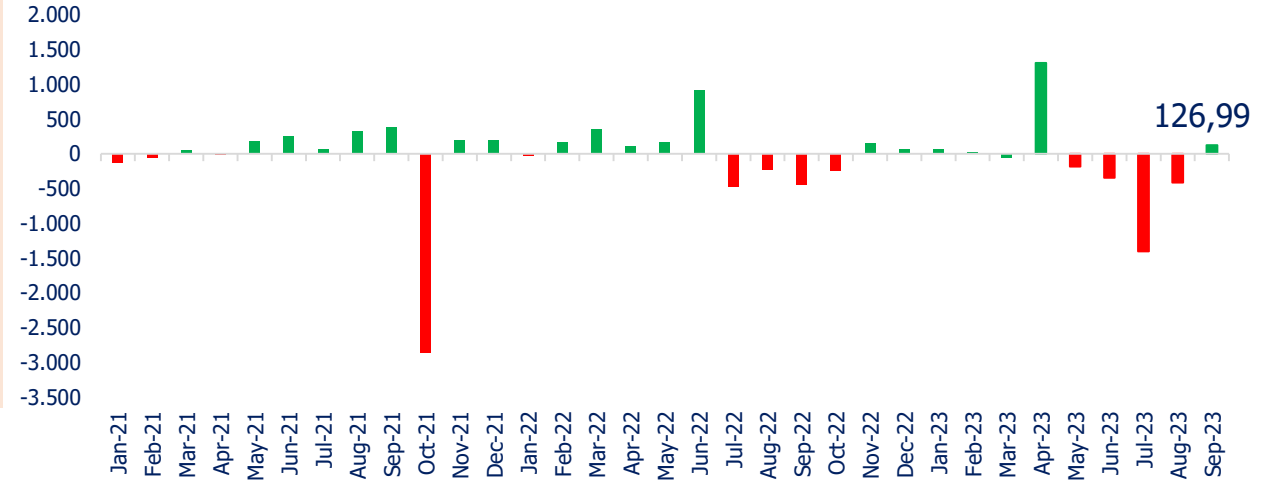
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

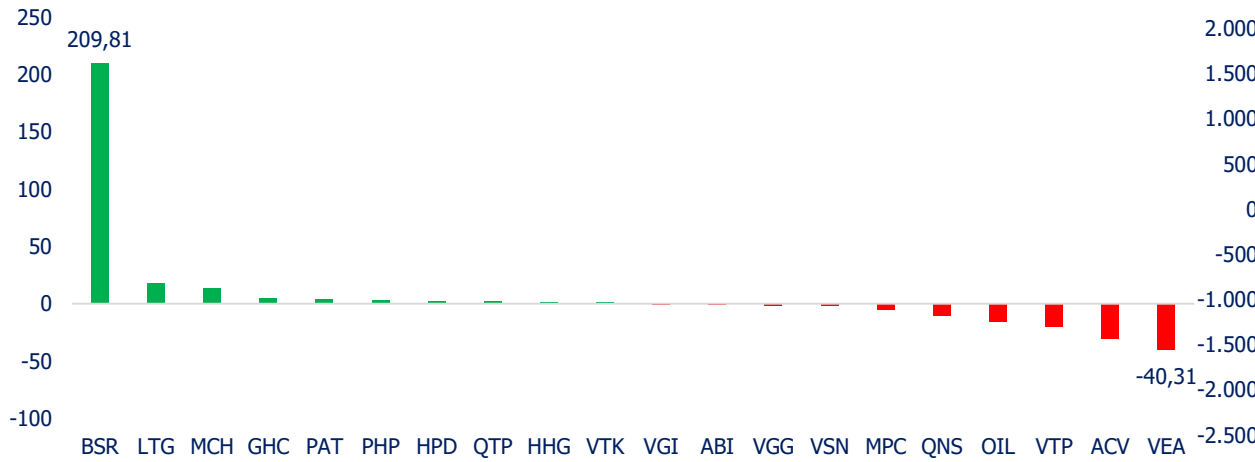
Trên sàn Upcom sau 04 tháng bán ròng mạnh liên tiếp khối ngoại đã mua ròng trở lại với giá trị 126,99 tỷ đồng trong tháng 9. Trong đó mua ròng mạnh BSR (+209,81 tỷ đồng), LTG (+17,34 tỷ đồng), MHC (+13,30 tỷ đồng)... trong khi bán ròng VEA (-40,31 tỷ đồng), ACV (-30,42 tỷ đồng), VTP (-20,32 tỷ đồng)...

Lũy kế 09 tháng 2023, tổ chức nước ngoài vẫn bán bán ròng với giá trị 866,37 tỷ đồng trên Upcom. Chủ yếu đến từ bán ròng mạnh VNZ (-2.203,19 tỷ đồng), VEA (-604,85 tỷ đồng), QNS (-522,97 tỷ đồng)... Trong khi mua ròng mạnh ở IDP (+1.345,55 tỷ đồng), SGB (+1.132,68 tỷ đồng).

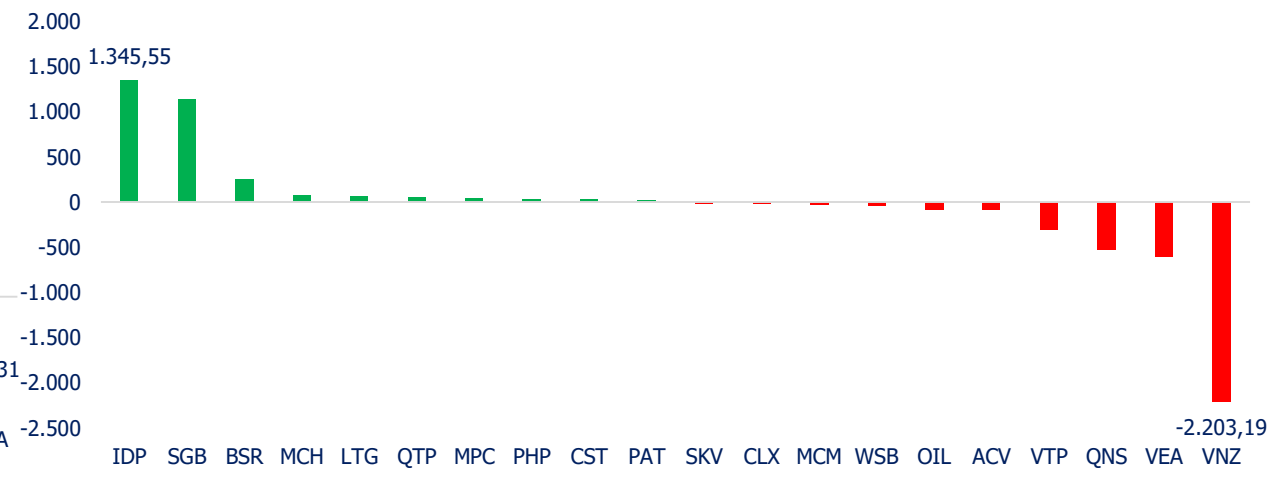
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 9/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 9 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



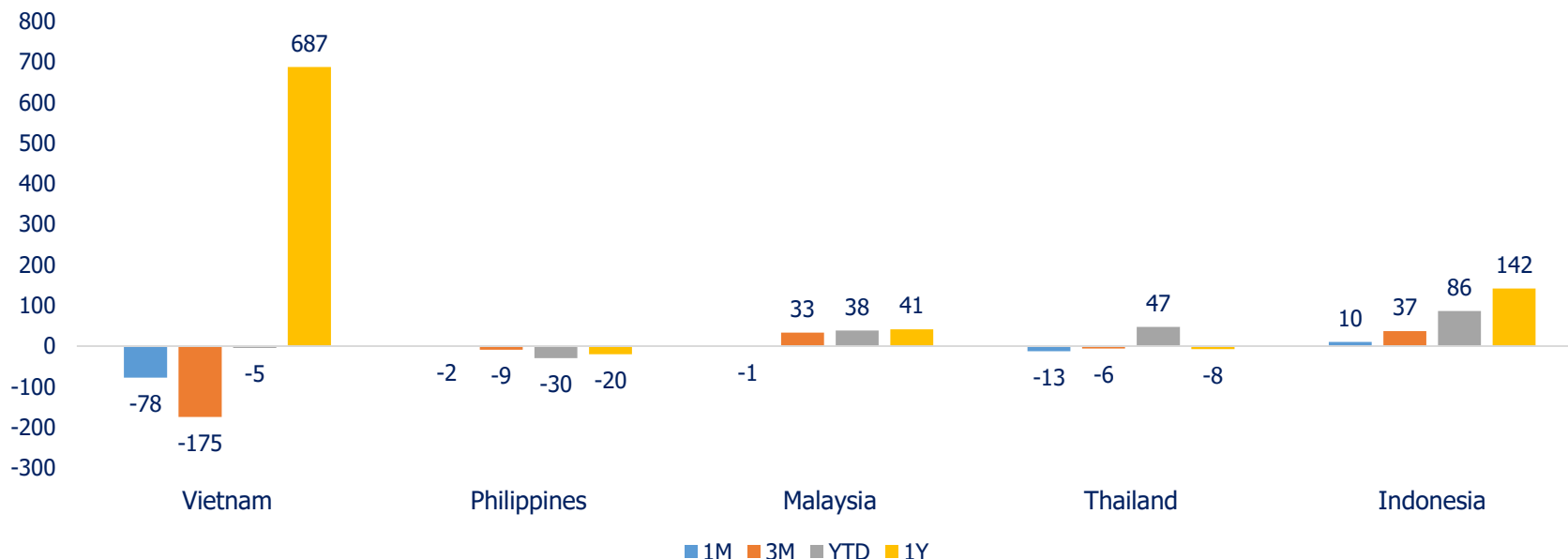


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 9/2023 dòng tiền vào các quỹ ETF tại Đông Nam Á tiếp tục ghi nhận tiêu cực khi 4/5 khu vực rút ròng với 94 triệu USD (chỉ duy nhất Indonesia hút ròng với 10 triệu USD), dẫn đầu là Việt Nam (-78 triệu USD). Trong đó, FUBON tiếp tục rút ròng tháng thứ 4 liên tiếp với 25,6 triệu USD (mặc dù thời điểm đầu năm FUBON đã vào ròng mạnh mẽ nhưng tính từ đầu năm đến nay quỹ vẫn ghi nhận rút ròng hơn 18 triệu USD). Tương tự 3 ETF nội lớn trên thị trường như DCVFMVN Diamond (-35,6 triệu USD), DCVFMVN30 (-2 triệu USD) và SSIAM VNFIN LEAD (-14,2 triệu USD) tiếp tục bị rút vốn mạnh trong tháng 9.

**Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)**





TỔNG QUAN TTCK THÁNG 9/2023

Biến cơ hội thành giá trị

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	880	1.1	763,000,000	-35.6	-75.4	-71.3	460.5
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	943	0.5	2,048,738,000	-25.6	-90.4	-18.1	266.3
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	347	0.9	383,100,000	-2.0	-37.9	-48.5	-19.3
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	626	14.8	42,350,000	-2.7	13.6	89.8	211.8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	398	28.5	12,589,840	0.0	-6.3	57.1	97.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	184	0.8	231,600,000	-14.2	-20.1	-20.1	4.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	224	15	12,200,000	4.5	16.2	-27.3	54.9
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	18.3	8.8	1,980,000	0.0	-0.9	-0.6	-4.2
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	6,7	0.8	8,900,000	0.0	0.1	-0.4	-4.0
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.1	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.0
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	7.8	19.5	560,000	1.4	5.3	6.1	6.4
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	4.1	0.8	8,300,000	0.0	0.2	1.0	1.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	6.5	10.6	600,000	0.0	-1.7	6.1	2.1
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	13.8	0.3	75,000,000	1.6	12.3	6.9	13.6



TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10/2023

Biến cơ hội thành giá trị

Thị trường có tháng 9 điều chỉnh mạnh và gần như xóa bỏ hầu hết mức tăng có được trong tháng 7 đồng thời đe dọa kết thúc xu hướng uptrend bắt đầu hình thành từ tháng 5/2023. Đến thời điểm hiện tại với xu hướng điều chỉnh kéo dài thêm trong tháng 10 và việc Vn-Index để mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1.135 điểm xác nhận uptrend trung hạn đã chấm dứt.

Tuy nhiên với xu thế vẫn đang duy trì đi lên từ đáy, VN-Index giai đoạn sắp tới được dự báo sẽ có nhịp hồi phục kỹ thuật trước khi vận động với biên độ hẹp dần để tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại, việc kết thúc uptrend trung hạn có ý nghĩa là giai đoạn hình thành nền tích lũy mới sẽ kéo dài. VN-Index nhiều khả năng dao động trong vùng đáy 1.100 điểm – 1.120 điểm và đỉnh tại 1.180 điểm – 1.200 điểm trong tháng 10, dòng tiền giảm và giá cổ phiếu phân hóa chờ đợi báo cáo kết quả kinh doanh quý III của các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, diễn biến tỷ giá trong nước, các số liệu về lợi suất trái phiếu, lạm phát, việc làm tại Mỹ và tình hình căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông gần đây cũng là những yếu tố có thể tác động tới thị trường chứng khoán quốc tế và Việt Nam trong tháng 10.

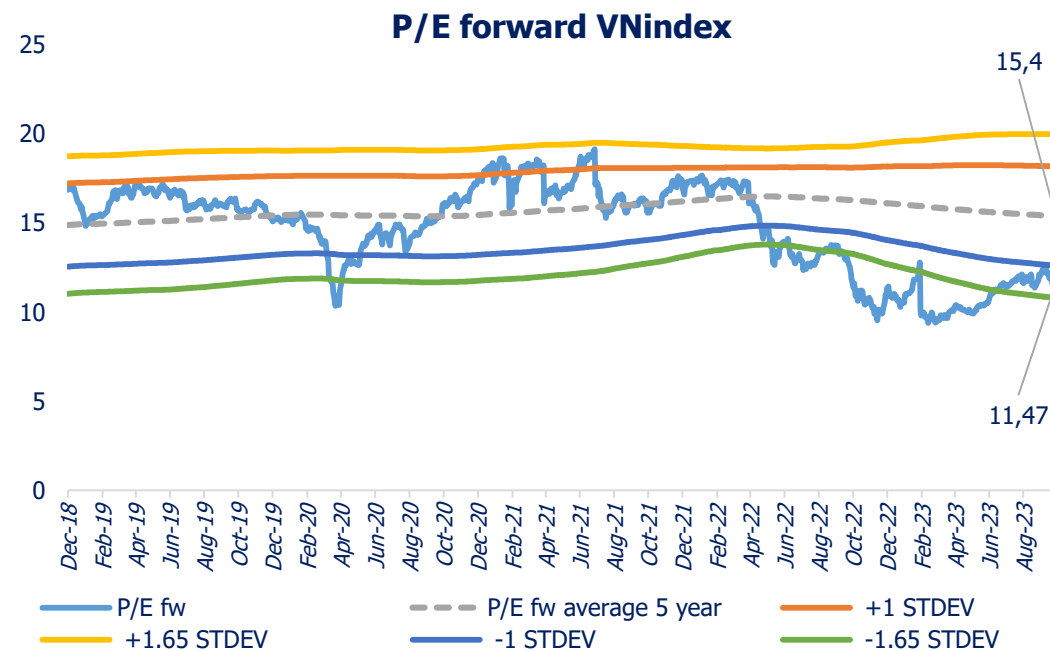
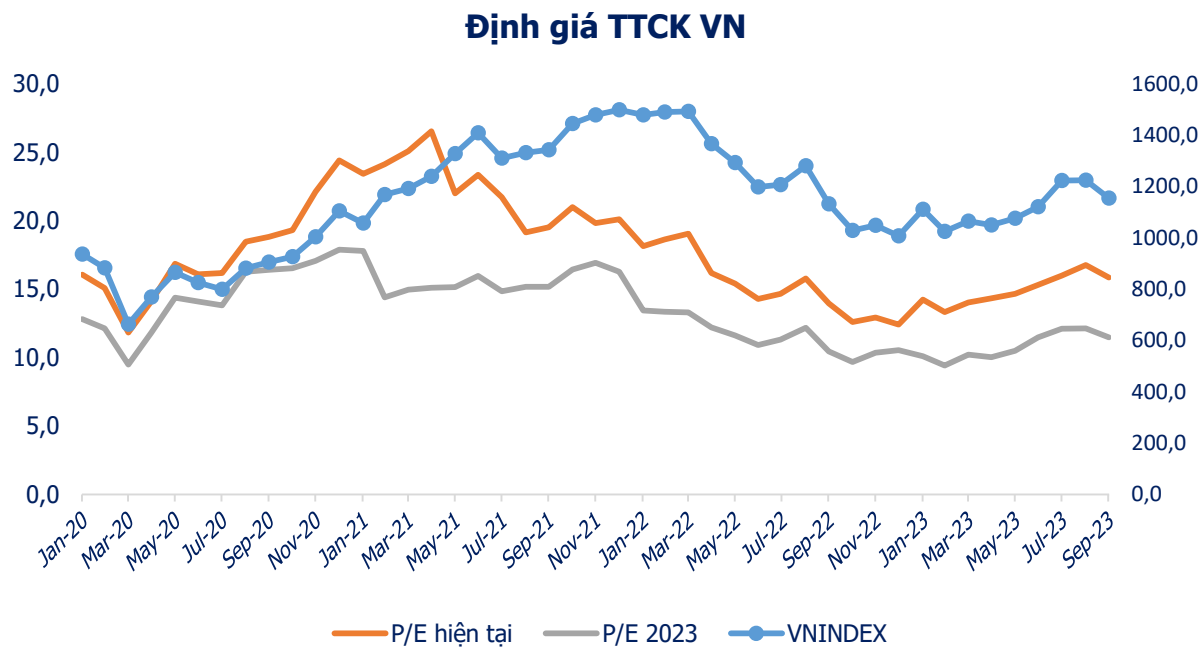




TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10/2023

Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 9/2023, định giá toàn thị trường đã giảm xuống mức 15,9x so với mức 16,8x vào tháng trước (giảm hơn 5,4%) và thấp hơn so với mức trung bình 10 năm gần nhất (16,6 lần). Định giá thị trường hiện tại đã dần trở nên hấp dẫn hơn sau nhịp điều chỉnh vừa qua.



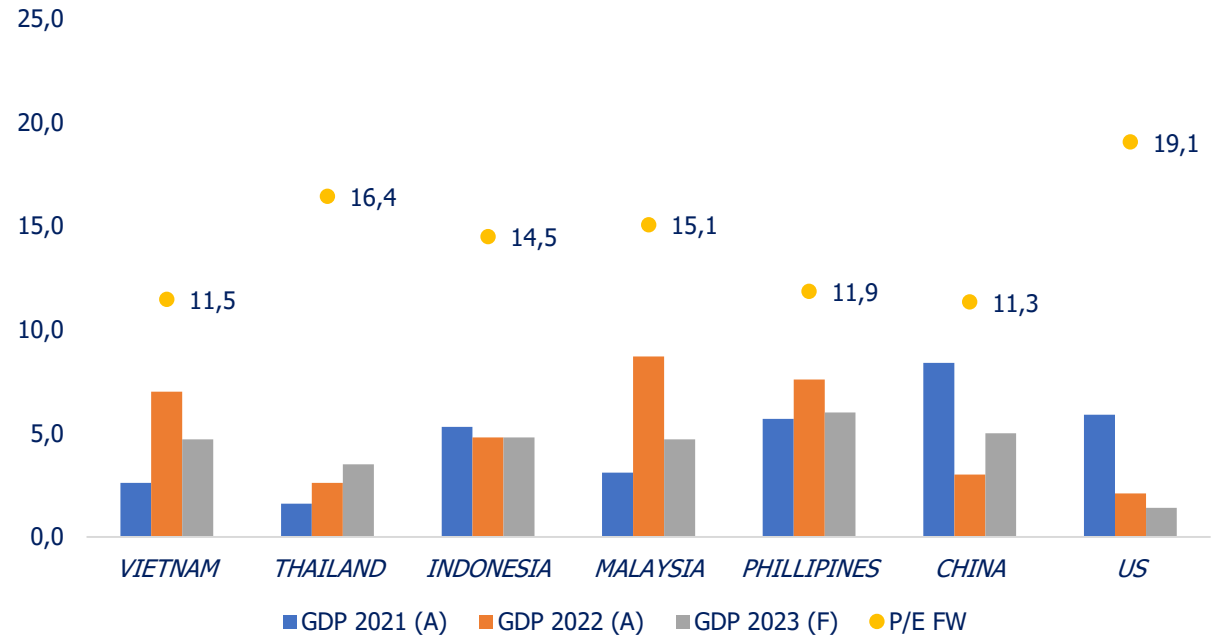
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



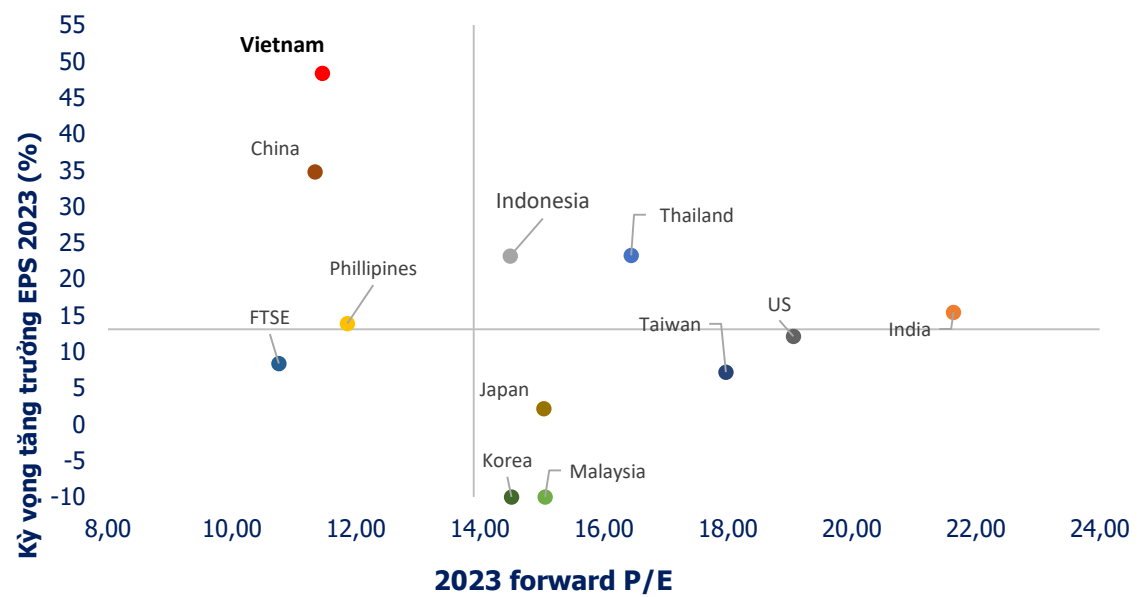
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10/2023

Biến cơ hội thành giá trị

TTCK VN so với các nước trên thế giới



Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2023

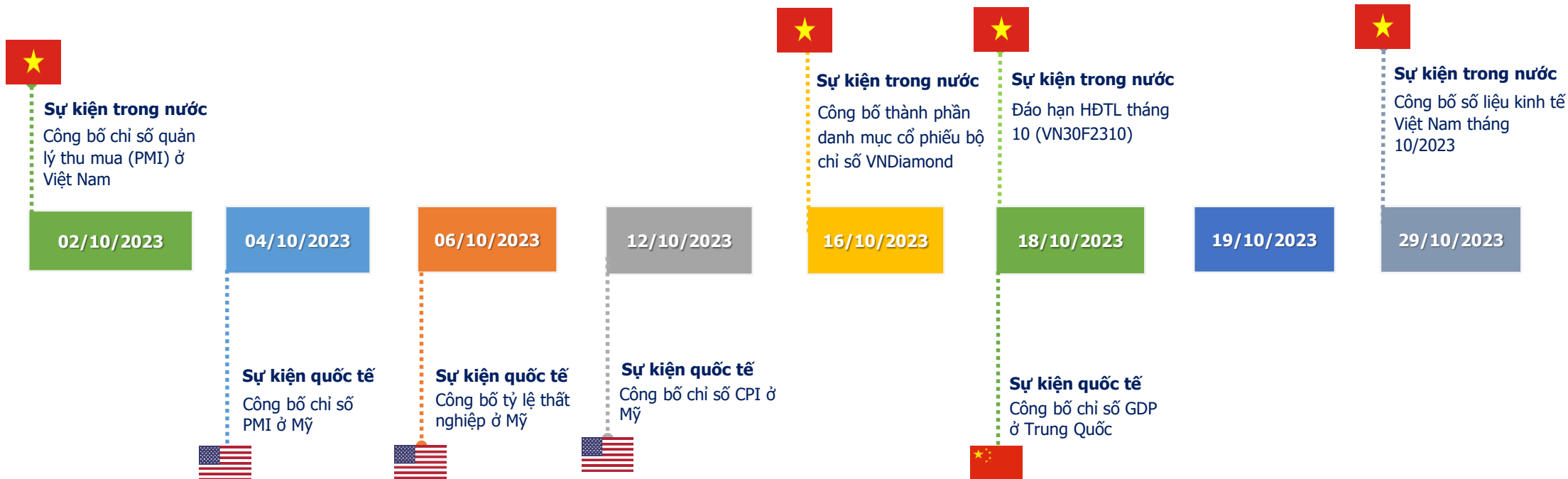


Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 10/2023





Biến cơ hội thành giá trị

KHUYẾN NGHỊ

Website: www.shs.com.vn
Đại hội đồng Cổ đông: <http://dhcd.shs.com.vn>

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Văn phòng Hội đồng Quản trị và Phòng Phân tích
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Bản tin này được tổng hợp, trích dẫn thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin hỗ trợ Nhà đầu tư tra cứu mà không có giá trị pháp lý, không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.
Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin này như là một nguồn thông tin tham khảo.**

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup, Vietstock và Fialda, Fireant và Phòng Phân tích SHS và các nguồn khác.

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

**Văn phòng Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm,
Hà Nội

Tel: 84.24.39413616

Mobile/Zalo: 038.9298080/ 0936388887

Email: investor@shs.com.vn
Quynh.dtn@shs.com.vn

Vui lòng quét QR code sau để tra cứu thêm thông tin.



**ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG**
<http://dhcd.shs.com.vn>



SHSTRADING
MOBILE APP



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

THANK YOU

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P. Vĩnh
Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

BP QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VĂN PHÒNG HĐQT

Tầng 5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Mobile: 038.9298080
09363.8888.7
Email: investor@shs.com.vn
Quynh.dtn@shs.com.vn